

VIỆT NGỮ - HIỆP SĨ - CẤP X

*Thiếu Nhi nhờ Mẹ đĩnh ninh,
quyết làm gương sáng xứng danh tông đồ.*



Phong trào Thiếu Nhi Thánh Thể Việt Nam tại Pháp - Đoàn Kitô Vua - Paris

Họ và tên học sinh :

Ghi chú : :

Phương pháp dùng sách Việt Ngữ lớp Hiệp Sĩ 10

Các bài trong sách Việt Ngữ lớp Hiệp Sĩ 10 được xếp theo môn học : chính tả, tập đọc, học thuộc lòng khi cần, tập làm văn, văn phạm & ngữ vựng, địa lí, lịch sử Việt Nam.

Giảng viên nên luân phiên, dạy mỗi môn một bài. Ngoài những bài lịch sử phải dạy theo thứ tự thời gian, những bài khác, không bắt buộc dạy theo một thứ tự nhất định.

Chính tả :

Các học sinh lớp HS10 có thể chưa phân biệt rõ các vần gần giống nhau. Vì vậy, giảng viên cần đọc rõ để giúp các em biết nghe đúng, thì mới viết đúng chính tả.

Học vần, nhịp thơ : giảng viên đọc rõ từng tiếng; cho cả lớp đọc theo. Khuyến học sinh nên học thuộc lòng bài trước để tập đọc thơ cho đúng vần điệu. Cách riêng là thơ lục bát.

Tập đọc và phân biệt từ dấu : giảng viên viết những từ lên bảng ; giảng viên đọc và cho cả lớp đọc theo.

Bài tập :

mỗi học sinh tìm 1 ví dụ (có thể lên bảng viết)

cho cả lớp đọc lại những từ đã viết trên bảng, nhìn và nhớ mặt chữ, sau đó viết chính tả

Bảng vần ở trang 3 giúp các lớp Hiệp Sĩ ôn hoặc học lại khi cần.

Các lớp Hiệp sĩ có mục tiêu : đọc thông thạo, thuộc và sử dụng đúng những câu tục ngữ thông thường, viết chính tả đúng tất cả các vần.

Tập đọc & học thuộc lòng :

Giảng viên đọc bài ca dao một lần, chậm và rõ

Giảng viên giải nghĩa các từ khó

Giảng viên đọc từng câu ; cho cả lớp lặp lại

Khi đọc thơ, ca dao thì cần có vần điệu. Tục ngữ, ca dao, thơ : tập đọc, giải nghĩa trong lớp và cho các em về nhà học thuộc lòng để đọc lại theo vần nhịp.

Đối thoại : Cho học sinh đọc những bài đối thoại trong vai một nhân vật của truyện. Có thể phân nhóm để làm việc.

Văn xuôi : phân công mỗi học sinh đọc một câu, một đoạn, hoặc cả bài.

Văn phạm & ngữ vựng :

Trong văn phạm tiếng Việt điều cốt yếu là phải biết dùng đúng một số từ. Lớp HS10 sẽ học cách dùng các từ **là, ở, được, bị** và các **loại từ**.

Trong tiếng Việt, cần biết một số từ Hán Việt, nhất là những từ đã quen dùng đến độ có thể quên rằng chúng bắt nguồn từ tiếng Hán.

Sinh vật, địa lí & lịch sử Việt Nam :

Giảng viên đọc bài hoặc kể chuyện cho cả lớp nghe

Giảng viên giải nghĩa các từ khó

Đặt câu hỏi trên bài ; tập cho các học sinh tự đặt câu khi trả lời (không nên lặp lại những câu đã viết trong bài)

Lưu ý :

Giảng viên cần nhắc các học sinh phải học bài tiếng Việt ở nhà và cho bài tập về nhà.

	Vần ghép từ hai hoặc ba nguyên âm							Vần ghép từ nguyên âm và phụ âm							
								Vần từ nguyên âm + phụ âm mũi (1) (consonnes nasales)				Vần thanh trắc từ nguyên âm + phụ âm miệng (2) (consonnes orales) chỉ đi với dấu sắc hoặc dấu nặng			
	a	e/ê	i	y	o	ơ	u	m	n	nh	ng	c	ch	p	t
a			ai	ay	ao		au	am	an	anh	ang	ac	ach	ap	at
ă								ăm	ăn		ăng	ắc		áp	ăt
â				ây			âu	âm	ân		âng	âc		âp	ât
e					eo			em	en		eng	ec		ep	et
ê							êu	êm	ên	êngh			êch	êp	êt
i	ia						iu	im	in	inh			ich	ip	it
o	oa	oe	oi					om	on		ong	oc		op	ot
ô			ôi					ôm	ôn		ông	ôc		ôp	ôt
ơ			ơi					ơm	ơn					ơp	ơt
u	ua	ue	ui	uy		uơ		um	un		ung	uc		up	ut
ư	ura		uri				uru				ung	uc			ut
iê							iêu	iêm	iên		iêng	iêc		iêp	iêt
oa			oai	oay	oao			oam	oan	oanh	oang	oac	oach		oat
oă								oăm	oăn			oăc			oăt
oe					oeo				oen						oet
oo											oong				
uâ				uây					uân						uât
uê							uêu			uêngh			uêch		
uô			uôi					uôm	uôn		uông	uôc			uôt
uy	uya						uyu			uyngh			uych		uyt
uyê									uyên						uyêt
uơ			uơi				uơu	uơm	uơn		uơng	uơc		uơp	uơt

(1) Phụ âm mũi - *consonnes nasales*: khi phát âm các phụ âm này, một phần không khí ra đường mũi. Nếu bịt mũi lại, sẽ phát âm không đúng các phụ âm mũi và vẫn có phụ âm mũi.

(2) Phụ âm răng miệng - *consonnes orales*: khi phát âm các phụ âm này, không khí hoàn toàn ra đường miệng.

Tập đọc

Để đọc thơ đúng vần điệu, khuyên học sinh nên học thuộc lòng trước.

Ca dao

Trâu ơi ta bảo trâu này !
Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta.
Cấy cày vốn nghiệp nông gia,
Ta đây trâu đấy ai mà quản công.
Bao giờ cây lúa còn bông,
Thì còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn.

Giải nghĩa :

- Bảo : nói với người ngang hàng hay người dưới
- Cày : xúc và lật đất lên
- Cấy : cắm cây non sang chỗ đất khác
- Nghiệp : nghề làm ăn, sinh sống
- Nông : nghề làm ruộng
- Quản : tính đến và ngại
- Công : sức lao động bỏ ra để làm việc gì
- Ai mà quản công : không ai ngại bỏ công sức ra

Đại ý :

Việt Nam là nước nông nghiệp. Ngày xưa, khi kĩ thuật chưa phát triển thì việc cày cấy phải nhờ rất nhiều vào trâu bò. Vì vậy, hình ảnh con trâu luôn gắn liền với làng quê Việt Nam.

Người nông dân yêu quý và xem trâu như một người bạn rất thân thương. Người và trâu luôn có nhau, cần cù làm việc.

Do đó, khi được mùa, hay ngay cả khi mất mùa, người và trâu luôn cùng chia sẻ với nhau những thành quả của công sức mình.

Ca dao

Ai ơi đừng quản công lao,
Rủ nhau chăm sóc ruộng dâu non tằm.
Một non tằm là năm non kén.
Một non kén là chín nén tơ.
Chàng ngồi đọc sách ngâm thơ.
Thiếp thì dệt cửi, ươm tơ, chăn tằm.

Giải nghĩa :

- *Đừng quản công lao* : đừng ngại bỏ công sức ra
- *Chăm sóc* : săn sóc cẩn thận
- *Nong*: đồ đan bằng tre, hình tròn, lòng rộng và không sâu, dùng để phơi, đựng
- *Tằm* : ấu trùng của một loài bướm ăn lá dâu, được nuôi để lấy tơ
- *Kén* : tổ bằng tơ của một số loài sâu bướm như tằm
- *Tơ* : sợi rất mảnh, mượt, do tằm nhả ra
- *Dệt* : làm cho sợi kết vào với nhau thành một tấm theo những quy cách nhất định để tạo ra vải, chiếu ...
- *Cửi* : dệt vải hoặc lựa theo lối thủ công
- *Ươm tơ* : kéo sợi tơ từ kén bỏ trong nước đang sôi
- *Thiếp* : đại danh từ người phụ nữ ngày trước tự xưng một cách khiêm nhường khi nói với chồng, hoặc nói chung với người đàn ông

Đại ý :

Bài ca dao khuyến khích việc nuôi tằm, dệt lụa là một nghề kết hợp giữa nông nghiệp và thủ công, phổ biến ở một số làng quê Việt Nam khi xưa.

Bài ca dao cũng khuyên mỗi người chúng ta phải luôn cố gắng chăm chỉ làm công việc của mình, để đem lại những kết quả tốt nhất.

Thu điều

Ao thu lạnh lẽo nước trong veo
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo
Sóng biếc theo làn hơi gợn tí
Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo
Tầng mây lơ lửng, trời xanh ngắt
Ngõ trúc quanh co, khách vắng teo
Tựa gối buông cần lâu chẳng được
Cá đâu đớp động dưới chân bèo

Nguyễn Khuyến



Giải nghĩa :

- *Điều* : câu cá.
- *Thu điều* : câu cá mùa thu
- *Trong veo* : rất trong
- *Bé tẻo teo* : nhỏ bé đến mức như không đáng kể
- *Biếc* : màu xanh
- *Gợn* : nổi lên thành những nếp nhăn nhỏ, thoáng thấy trên mặt
- *bề mặt phẳng*
- *Vèo* : lướt qua rất nhanh rồi biến mất
- *Vắng teo* : không có một ai
- *Bèo* : tên một loài thực vật sống trên mặt nước

Đại ý :

Bài thơ tả cảnh một buổi câu cá êm đềm trong khí thu giá lạnh của vùng đồng bằng Bắc bộ.

Tác giả có tâm hồn tha thiết gắn bó với thiên nhiên, đất nước và có một tấm lòng yêu nước thầm kín nhưng bất lực trước tình hình đất nước vào cuối thế kỉ 19 bị rơi vào tay giặc Pháp.

Thể văn :

Bài thơ mang thể loại « thất ngôn bát cú » gồm 8 câu và mỗi câu có 7 từ. Cách gieo vần « eo » được nhận thấy rõ ràng. Khi cất tiếng đọc bài thơ, vần « eo » cùng dấu giọng tạo nên sự kết nối giữa các câu thơ. Nhờ đó bài thơ trở nên dễ nhớ và dễ đi vào lòng người.

Một bài thơ thất ngôn bát cú tiêu biểu khác :

"Qua đèo Ngang" của Bà Huyện Thanh Quan:

Bước tới đèo Ngang bóng xế tà
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa
Lom khom dưới núi, tiều vài chú
Lác đác bên sông, chợ mấy nhà
Nhớ nước đau lòng con quốc quốc
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia
Dừng chân đứng lại: trời, non, nước
Một mảnh tình riêng, ta với ta.

Trong đó:

Chú ý cách gieo vần: Các tiếng cuối các câu 1, 2, 4, 6, 8 hiệp vần bằng với nhau.

Hai câu đầu tiên (1 và 2) là Mở Đề và Vào Đề (mở bài, giới thiệu...)

Hai câu tiếp theo (3 và 4) là hai câu Thực (miêu tả), yêu cầu của 2 câu này là đối nhau cả về thanh (bằng đối trắc hoặc ngược lại) và về nghĩa (Lom khom - Lác Đác, Dưới núi - Bên sông, Tiều vài chú - chợ mấy nhà)

Hai câu 5 và 6 là hai câu Luận (suy luận), yêu cầu cũng đối nhau cả về thanh và nghĩa, tương tự như hai câu Thực ở trên

Hai câu cuối cùng (7 và 8) là hai câu Kết (kết luận), không yêu cầu đối nhau.

Cách ngắt nhịp: 2/2/3 hoặc 4/3, 3/4

BÀI TẬP :

Chép lại và thêm dấu :

Ông vua có lòng nhân

Lý Thánh Tông (1054-1072) là một ông vua nhân từ, có lòng thương dân.

Một năm, trời rét lắm, vua nghĩ đến những người tù phải giam trong ngục, bên bao các quan rằng:

“Trẫm ở trong cung, ăn mặc như thế này mà còn rét. Nhưng kẻ nghèo khó, những tù phạm phải trời buốt, cơm không có mà ăn, áo không có mà mặc thì khổ đến đâu !”

Nói rồi, vua truyền lấy chăn chiếu phát cho những người nghèo và tù nhân.

Lại có một hôm, đang buổi chiều, có công chúa đứng hầu bên cạnh. Vua chỉ vào công chúa mà bảo rằng:

“Long trẫm yêu dân cũng như yêu con của trẫm vậy. Kể từ nay về sau, hình phạt gì cũng giảm bớt đi.”

theo Quốc Văn Giáo Khoa Thư

Giải nghĩa:

- Nhân từ : hiền lành, có lòng thương người
- Rét : lạnh
- Ngục : nhà tù
- Trẫm : tiếng của vua xưng với mọi người
- Cung : nơi vua ở
- Tù phạm : người bị tù
- Truyền : ra lệnh
- Chăn : mền
- Chiếu : tấm trải ở dưới để nằm lên
- Công chúa : con gái vua
- Buổi chiều : buổi vua họp các quan
- Giảm bớt : làm cho ít lại



Lý Thánh Tông (1054-1072)

Lý Thánh Tông là một ông vua nhân từ, có lòng thương dân.

Một năm, trời rét lắm, vua nghĩ đến những người tù phải giam trong ngục, bên bảo các quan rằng :

“Trẫm ở trong cung, ăn mặc như thế này mà còn rét. Những kẻ nghèo khó, những tù phạm phải trời buốt, cơm không có mà ăn, áo không có mà mặc thì khổ đến đâu !”

Nói rồi, vua truyền lấy chăn chiếu phát cho những người nghèo và tù nhân.

Lại có một hôm, đang buổi chiều, có công chúa đứng hầu bên cạnh. Vua chỉ vào công chúa mà bảo rằng :

“Lòng trẫm yêu dân cũng như yêu con của trẫm vậy. Kể từ nay về sau, hình phạt gì cũng giảm bớt đi.”

Ca dao

Dưới đây là vài bài ca dao thể lục bát. Mỗi bài đều chuyên chở một số ý nghĩa riêng. Giảng viên có thể chọn để làm bài học dưới thể thức :

- Tập đọc
- Học từ vựng
- Đại ý (hoàn cảnh, nghề nghiệp, tâm trạng, ...)
- Viết chính tả

Đêm qua ra đứng bờ ao,
Trông cá, cá lặn, trông sao, sao mờ.
Buồn trông con nhện giăng tơ
Nhện ơi, nhện hỡi, nhện chờ mối ai ?
Buồn trông chênh chếch sao Mai.
Sao ơi, sao hỡi, nhớ ai sao mờ?



Đã sinh ra kiếp ở đời,
Trai thời trung hiếu đôi vai cho tròn.
Gái thời trinh tịnh lòng son,
Sớm hôm gìn giữ kéo còn chút sai.
Trai lành gái tốt ra người,
Khuyên con trong bấy nhiêu lời cho chuyên.



Làng tôi có lũy tre xanh,
Có sông Tô Lịch uốn quanh xóm làng.
Bên bờ vải nhẵn hai hàng,
Dưới sông cá lội từng đàn tung tăng.



Người ta đi cấy lấy công,
Tôi nay đi cấy còn trông nhiều bề.
Trông trời, trông đất, trông mây,
Trông mưa, trông nắng, trông ngày, trông đêm.
Trông cho chân cứng đá mềm,
Trời yên biển lặng mới yên tấm lòng.



Rủ nhau xem cảnh Kiếm Hồ,

Xem cầu Thê Húc, xem chùa Ngọc Sơn,
Đài Nghiên, Tháp Bút chưa mòn,
Hỏi ai gây dựng nên non nước này?



Trong đầm gì đẹp bằng sen,
Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng.
Nhị vàng bông trắng lá xanh,
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.



Con gà cục tác lá chanh,
Con lợn ủn ỉn mua hành cho tôi.
Con chó khóc đứng, khóc ngồi,
Mẹ ơi đi chợ mua tôi đồng riềng.



Hôm qua tát nước đầu đình,
Bỏ quên chiếc áo trên cành hoa sen.
Em được thì cho anh xin,
Hay là em để làm tin trong nhà?
Áo anh sứt chỉ đường tà,
Vợ anh chưa có, mẹ già chưa khâu.
Áo anh sứt chỉ đã lâu,
Mai mượn cô ấy về khâu cho cùng.
Khâu rồi anh sẽ trả công,
Đến khi lấy chồng anh sẽ giúp cho:
Giúp cho một thúng xôi vò,
Một con lợn béo, một vò rượu tăm.
Giúp em đôi chiếu em nằm,
Đôi chăn em đắp, đôi trâm em đeo.
Giúp em quan tám tiền cheo,
Quan năm tiền cưới, lại đèo bông cau.

Bình Định Vương Lê Lợi

Giặc Minh chiếm đóng nước nhà,
Tham lam tàn ác, dân ta oán hờn.
Bấy giờ ở đất Lam Sơn,
Có ông Lê Lợi **lòng nhơn hào hùng**.
Đứng lên chống kẻ thù chung,
Vì điều **nhân nghĩa, không dung** bạo tàn.
Mười năm kháng chiến gian nan,
Toàn dân chung sức xua tan giặc thù.
Dựng nền tự chủ từ đây,
Nước nhà **hưng thịnh** mỗi ngày một hơn.
Nhân dân nước Việt nhớ ơn,
Anh hùng áo vải Lam Sơn **đời đời**.

Giải nghĩa :

- *Giặc Minh* : nhà Minh bên Trung Hoa, sang đánh chiếm nước ta, nên gọi là giặc
- *Chiếm đóng* : đem quân đi chiếm đất đai của nước khác
- *Lòng nhơn* : lòng thương người
- *Hào hùng* : có khí thế mạnh mẽ
- *Nhân nghĩa* : thương người và yêu chuộng lẽ phải
- *Không dung* : không tha thứ
- *Hưng thịnh* : phát triển tốt đẹp và giàu có
- *Đời đời* : mãi mãi, luôn luôn

Câu hỏi:

- 1- Ông Lê Lợi đã kháng chiến chống giặc Minh trong bao nhiêu năm ?
- 2- Vì sao ông Lê Lợi đã chiến thắng quân Minh ?

Cách ăn ở

Ở cho có **đức** có **nhân**,
Mới mong **đời trị** được ăn **lộc** trời.
Thương người **tắt tả ngược xuôi**,
Thương người **lỡ bước**, thương người **bơ vơ**.
Thương người ôm dặt trẻ thơ,
Thương người tuổi tác già nua **bần hàn**.
Thương người **cô quả, cô đơn**,
Thương người đói rách làm than kêu đường.
Thấy ai đói rét thì thương,
Rách thường cho mặc, đói thường cho ăn.
Thương người như thể thương thân,
Người ta **phải bước** khó khăn đến nhà.
Đồng tiền bát gạo mang ra,
Rằng đây cần kiệm gọi là **làm duyên** ...

Nguyễn Trãi (Gia Huấn Ca)

Giải nghĩa :

- **Đức** : cách ăn ở hiền lành, hợp với đạo lí
- **Nhân** : lòng thương người
- **Đời trị** : xã hội yên ổn và trật tự
- **Lộc** : được hưởng kết quả như ý
- **Tắt tả**: dáng đi nhanh, vội vàng, vất vả
- **Ngược xuôi** : theo chiều hướng ngược nhau
- **Lỡ bước**: gặp không may
- **Bơ vơ**: lè loi, không nơi nương tựa
- **Bần hàn** : nghèo khổ và đói rét
- **Cô quả**: con có cha mẹ chết, vợ có chồng chết (cô nhi và quả phụ)
- **Cô đơn**: chỉ có mộ trẫm
- **Phải bước** : gặp lúc
- **Làm duyên** : ý ở đây là cơ hội giúp đỡ làm quen do một duyên cớ nào đó

Câu hỏi:

Em hiểu thế nào những điều được viết trong bản văn ? Hãy giải thích.

Độc - Đối thoại

1 Xót xa

Tốt nghiệp Đại học Văn hóa – Nghệ thuật – Du lịch, chị Hai ở luôn trên Thành phố làm Phó giám đốc cho một công ty Đầu tư và phát triển Du lịch tại Sài Gòn. Mãi đến hôm nay – để chừng gần ba năm – chị Hai mới về. Cả nhà khôn xiết vui mừng. Má lật đật chèo xuồng đến chợ nổi mua đồ về làm bữa cơm thịnh soạn:

- Tội nghiệp chị Hai tụi bay, hồi giờ có được bữa ăn nào đàng hoàng, tử tế đâu?

Đang ăn, chị Hai bỗng giật mình, lấy dĩa khều một sợi tóc từ trong đĩa lòng xào ra:

- Ai làm bê bối và cẩu thả thế này? Kiểu này ở nhà hàng họ đã đổ vào thùng nước cơm! Khách du lịch mà biết, chỉ có nước đóng cửa đẹp tiệm! Sạt nghiệp là cái chắc !

Nói xong, chị Hai đứng dậy bỏ ăn, nhanh chân bước lên nhà trên.

Từ nãy giờ, má ngồi đó, im lìm như tượng đá. Thằng Út cầm sợi tóc lên ngắm soi một lúc rồi la to lên, giọng còn ngọng nghịu :

- Sợi tóc bạc hơn một nửa rồi má ơi !

Tâm Duyên

Từ vựng :

- *Tốt nghiệp* : kết thúc thành công chương trình học.
- *Đại học* : Cấp đào tạo chuyên môn sau trung học
- *Giám đốc* : người có trách nhiệm đầu trong điều hành một công ty hay một tổ chức.
- *Phó giám đốc* : người có trách nhiệm thứ 2 sau giám đốc
- *Đầu tư* : đưa vốn liếng tiền bạc, khả năng để mở rộng một công ty, hoặc mở rộng một chương trình làm việc
- *Thịnh soạn* : đầy đủ nhiều món ngon

Câu hỏi :

- Có bao nhiêu nhân vật trong truyện ? Hãy kể ra mối quan hệ giữa họ. Bối cảnh.
- Có thể rút ra được bài học gì ?

Diễn tả :

Độc và diễn tả (mỗi học sinh sẽ giữ vai người kể chuyện, hoặc 1 nhân vật (ở đây có 3 nhân vật Má, chị Hai và Thằng Út).

2 Anh Hai

- Ăn thêm cái nữa đi con ! - Người đàn bà giàu sang bảo con.
- Ngán quá, con không ăn đâu ! - Đứa con cần nhằn, từ chối.
- Ráng ăn thêm một cái, má thương. Ngoan đi cưng !
- Con nói là không ăn mà. Vứt đi ! Vứt nó đi !

Thằng bé lắc đầu quày quạy, gạt mạnh tay. Chiếc bánh kem văng qua cửa xe hơi rơi xuống đường, sát mép cống. Chiếc xe hơi láng bóng rồ máy chạy đi.

Hai đứa trẻ đang bới móc đồng rác gần đó, thấy chiếc bánh kem nằm chổng chơ, xô đến nhặt. Mắt hai đứa sáng rực lên, dán chặt vào chiếc bánh thơm ngon. Thấy bánh lấm láp, con bé gái nuốt nước miếng bảo thằng bé trai :

- Anh Hai thổi sạch rồi mình ăn.

Thằng anh phùng má thổi. Bụi đời đã dính, chẳng chịu đi cho. Đứa em sốt ruột cũng ghé miệng thổi tiếp. Chính cái miệng háu đói của nó thổi làm bánh rơi tòm xuống cống hôi hám, chìm hẳn.

- Ai biểu anh Hai thổi chi cho mạnh - Con bé nói rồi thút thít.
- Ủa. Tại anh ! Nhưng kem còn dính tay nè. Cho em ba ngón, anh chỉ liếm hai ngón thôi...

Lý Thanh Thảo

3 Bài văn bị điểm không

- Ba đã bao giờ thấy một bài văn bị điểm không chưa, ba.

Tôi ngạc nhiên: "Đề bài khó lắm sao?"

- Không. Cô chỉ yêu cầu "Tả bố em đang đọc báo." Có đứa bạn con bảo ba nó không đọc báo nhưng rồi nó bịa ra, cũng được 6 điểm.

Tôi thờ dãi:

- Còn đứa bị điểm không, nó tả thế nào?
- Nó không tả, không viết gì hết. Nó nộp giấy trắng cho cô.

Hôm trả bài, cô giận lắm. Cô hỏi: "Sao trò không chịu làm bài?". Nó cứ làm thinh, mãi sau nó mới bảo: "Thưa cô, con không có ba". Nghe nó nói, cô giáo con sững người. Té ra ba nó mất từ lúc nó mới sinh. Cô mới nhận lớp nên không biết, ba ạ. Cả lớp con ai cũng thấy buồn. Lúc ra về, có đứa hỏi: "Sao mày không tả ba đứa khác?" Nó chỉ cúi đầu, hai giọt nước mắt chảy dài xuống má.

Chuyện về cậu học sinh có bài văn bị điểm không đã để lại trong tôi một nỗi đau, nhưng cũng để lại một bài học về lòng trung thực.

4 Lòng tin

Xe ngừng...

- Mận ngọt đây!...
- Bao nhiêu tiền bịch mận đó?
- Dạ 2000.
- Hồng có tiền lẻ!
- Để con đổi cho!

Cái bóng nhỏ lao đi. Năm phút, mười phút...

- Trời! đồ ranh! Nó cầm 5000 của tui đi luôn rồi!
- Ai mà tin cái lũ đó chứ!
- Bà tin người quá!...

Xe sắp lăn bánh... Cái bóng nhỏ hót hải:

- Dì ơi! Con gửi ba ngàn. Đợi hoài người ta mới đổi cho!

Thanh Vân

5 Lễ tốt nghiệp

- "Má! Má lên đây làm gì?". Cô sinh viên sắp nhận bằng cử nhân giãy nảy lên hỏi người mẹ quê mùa còm cõi.
- "Má nghĩ bán một bữa lên coi con lãnh bằng tốt nghiệp".
- "Không được đâu! Bữa nay bạn con đông lắm, mà má lại ăn mặc thế này...".
- "Thì má có còn bộ nào khác đâu. Thôi cho má vào. Má...".
- "Thôi, thôi, má về đi. Con thì thế này, má thì thế kia... Tụi bạn con nó cười...!".

Nói rồi, cô sinh viên xinh đẹp chạy ào vào trong hội trường... Vừa lúc người xướng tên giới thiệu: "Sinh viên Phạm Thị P.X. là một trong những sinh viên xuất sắc của trường".

????

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

6 Bánh kem cháy

Sinh nhật bạn, không được mời ... em buồn xo. Hôm sau đi học về, manh áo cũ sờn của em bị rách toạt, mặt rướm máu.

"Chị Hai," em òa khóc nói, "bạn bè chọc em nghèo không có quà, không được ăn bánh kem" ...

Xã nghèo, mấy ai được ăn bánh kem ...

Chị nghỉ học lên thị trấn. Sinh nhật em, chị mang về một cái bánh nhỏ xíu có 1 bông hồng.

"Của chị làm đấy, chị học làm bánh kem"

Em ăn ngon lành ... mắt chị ngấn lệ Cái bánh cháy chủ bỏ, chị lên bắt bông hồng tặng em ...

Quân Thiên Kim

7 Tình bạn

Hai người đi trên con đường vắng vẻ. Đến một đoạn, họ có một cuộc tranh luận khá gay gắt và một người đã không kiềm chế được giơ tay tát vào mặt bạn mình. Người kia bị đau nhưng không hề nói một lời. Anh viết trên cát: "Hôm nay, người bạn thân nhất của tôi đã tát vào mặt tôi".

Họ tiếp tục đi, đến một con sông, họ dừng lại và tắm ở đây. Anh bạn kia không may bị chuột rút và suýt chết đuối, may mà được người bạn cứu. Khi hết hoảng sợ, anh viết lên đá: "Hôm nay, người bạn thân nhất đã cứu sống tôi".

Anh bạn kia ngạc nhiên hỏi: "Tại sao khi tôi đánh anh, anh viết lên cát, còn bây giờ anh lại viết trên đá?"

Mỉm cười, anh trả lời: "Khi một người bạn làm chúng ta đau, chúng ta hãy viết điều gì đó trên cát, gió sẽ thổi bay chúng đi cùng sự tha thứ... Và khi có điều gì đó to lớn xảy ra, chúng ta lên khắc nó lên đá như khắc sâu vào ký ức của trái tim, nơi không ngọn gió nào có thể xóa nhòa được..."

... Hãy học cách viết trên cát và đá...

8 Chuyện cái vé

Một người cha dắt đứa con 6 tuổi đi sở thú chơi. Đến quầy bán vé, người cha dừng lại đọc bảng giá:

"Người lớn: 10,00 đồng

Trẻ em trên 5 tuổi: 5,00 đồng

Trẻ em dưới 5 tuổi: Miễn phí"

Đọc xong, ông nói với người bán vé:

- Cho tôi 1 vé người lớn và 1 vé trẻ em trên 5 tuổi.
- Con ông trên 5 tuổi à ? – Người bán vé tò mò hỏi lại.
- Vâng.
- Nếu ông không nói cho tôi biết thì thằng bé được miễn phí rồi.
- Vâng, có thể không ai biết, nhưng con tôi tự nó biết.

Giảng văn & Tập làm văn

Buổi chiều mùa gặt

Cánh đồng lúa chín lóe vàng dưới ánh mặt trời chiều. Từng chỗ ở thửa ruộng nào đã gặt rồi, gốc rạ lấp lánh như giát vàng. Phía xa làng mạc ở chân trời rung động trong ánh nắng.

Tân nằm trên thảm cỏ nhìn lại. Qua kẽ lá lung lay, chàng thấy trời xanh và mát, mùi cỏ và mùi lúa thơm bốc lên chung quanh. Tân cảm thấy cái sung sướng của một người làm xong công việc. Chàng thấy vui vẻ, một mối cảm tình nảy nở giữa tâm hồn Tân và những người thợ gặt giản dị, mộc mạc chung quanh chàng.

Trên con đường vào làng, các lực điền gánh những gánh lúa vàng nặng trĩu.

Thạch Lam.



Bài tập :

- 1- Giải nghĩa: lóe vàng, nảy nở, giản dị
- 2- Hãy chép lại theo bài trên:
- a- Những câu văn **gợi tả** hình ảnh đồng quê Việt Nam.
- b- Những câu văn **diễn tả cảm xúc** của Tân.

Giải nghĩa :

- Gặt : cắt lúa chín
- Gốc rạ : phần dưới thân cây lúa, gần đất, có rễ
- Giát vàng : dùng vàng (kim loại) phủ đắp lên)
- Mộc mạc : giữ được nguyên tính tự nhiên
- Cảm xúc : rung động trong lòng do tiếp xúc với sự việc gì
- Gợi tả : gợi lên bằng hình tượng cho có thể hình dung được
- Lực điền : người nông dân khỏe mạnh
- Diễn tả : làm cho nội dung, tư tưởng, tình cảm được tỏ rõ bằng ngôn ngữ

Một buổi chiều

Một buổi chiều về cuối năm, một buổi chiều êm như một giấc mộng ...

Ngoài kia ánh nắng vàng như tiếc ngày cuối cùng của một năm, còn lảng vảng trên các ngọn đồi, chòm cây, lướt thướt trên những cánh đồng cỏ màu xanh già. Những thôn xóm rải rác dưới chân đồi hay bên bờ con sông trắng cong queo như bị đè nén dưới vẻ to tát của trời đất rộng rãi. Làn khói bốc lên từ nhà dân thổi cơn chiều không có sức lên cao, tỏa ra thành những mảng màu lam, ôm ấp lấy mái tranh.

theo Nhất Linh (Đoạn Tuyệt)

Giải nghĩa:

- *Giấc mộng* : giấc mơ, những điều thấy trong giấc ngủ
- *Lảng vảng* : còn quanh quẩn ở gần
- *Lướt thướt* : còn hiện diện một cách yếu ớt
- *Mảng* : mảnh to

Bài tập :

- *Giải nghĩa*: cánh đồng cỏ, thôn xóm, tỏa ra.
- *Hãy chép lại theo bài trên một câu văn tả cảnh nắng chiều cuối năm.*

Tập làm văn TẢ CẢNH

Phần mở bài :

Giới thiệu cảnh em sắp tả bằng cách kể lí do, hoàn cảnh nào em có dịp thấy cảnh trí đó.

Phần thân bài :

1. *Trước hết tả tổng quát khung cảnh, thời gian, địa điểm*
2. *Sau đó mới tả tỉ mỉ từng chi tiết của cảnh: trông thấy gì ? (từ trước ra sau, từ trái sang phải, từ ngoài vào trong...), nghe âm thanh như thế nào ? ngửi thấy mùi gì ?*
3. *Sau cùng, kể nhận xét của em khi quan sát cảnh này như: vui, buồn, thích thú, chán ghét, gợi nhớ*

Phần kết luận:

Kể cảm tình, cảm tưởng của em khi ngắm cảnh.

BÀI TẬP

Tả cảnh nhà thờ Đức Bà Paris (Notre Dame de Paris) hoặc tháp Eiffel.

Mở bài :

Giới thiệu lý do nào em viếng thăm nhà thờ Đức Bà Paris (tháp Eiffel) ? vào thời điểm nào ?

Thân bài :

- Nhà thờ Đức Bà Paris (tháp Eiffel) được xây tại đâu, dịp nào ? sông gì chảy gần đó ?
- Trước nhà thờ Đức Bà (tháp Eiffel) có gì ? đông người hay vắng người ?
- Đứng trước nhà thờ Đức Bà Paris (tháp Eiffel), em thấy gì ? hình dáng ra sao ?
- Khi bước vào bên trong nhà thờ (lên tầng trên tháp Eiffel), em thấy gì ?

Kết luận :

Cảm tưởng của em khi nhìn thấy hoặc ở trong nhà thờ Đức Bà Paris (tháp Eiffel).

Văn phạm & Ngữ vựng

Dịch động từ « ÊTRE » sang tiếng Việt

A. Giới thiệu hoặc tự giới thiệu- Tên gọi và nghề nghiệp : être = là

Thí dụ :

Đây là phòng của tôi.	<i>C'est ma chambre.</i>
Người đó là mẹ tôi.	<i>Cette personne est ma mère.</i>
Đây là chuyện có thật.	<i>C'est une histoire vraie.</i>
Anh là ai ?	<i>Je suis Mr. Minh</i>
Tôi là ông Minh.	<i>Qui êtes-vous ?</i>
Tên anh là gì ?	<i>Quel est votre nom ?</i>
Tên tôi là Nguyễn Thanh Tâm.	<i>Mon nom est Nguyễn Thanh Tâm</i>
Anh làm nghề gì ?	<i>Que faites-vous ?</i>
Tôi là thợ điện.	<i>Je suis électricien.</i>

B. Chỉ thời gian, chỉ thời tiết : être = là

Thí dụ

Hôm nay là ngày mấy ?	<i>Quel jour sommes-nous ?</i>
Bây giờ là mấy giờ ?	<i>Quelle heure est-t-il ?</i>

C- Tính từ (en attribut) : être : không dịch

Trong tiếng việt, khi tính từ được dùng để bổ túc cho chủ từ (adjectif en attribut), tính từ không cần động từ.

Thí dụ :

Mảnh vườn này, tuy nhỏ, nhưng rất đẹp.
Ce jardin, bien qu'il soit petit, est très joli

D- Câu chỉ nơi chốn : être = ở

Thí dụ :

Em đang ở đâu ? *Où es tu ?*
Em đang ở trường học. *Je suis à l'école.*

E- Thể bị động hoặc thụ động (mode passif) : être = bị /được

bị : nếu bị xem là chuyện không tốt hoặc không mong muốn
được : nếu được xem là chuyện tốt hoặc mong muốn

Thí dụ :

Con chuột bị con mèo ăn thịt.	<i>La souris est mangée par le chat.</i>
Học chăm chỉ, tôi được khen.	<i>Ayant bien travaillé, je suis complimenté)</i>
Nếu con ngoan thì con được thưởng.	<i>Si tu es sage, tu seras récompensé.</i>
Nếu con hỗn hào thì con bị phạt.	<i>Si tu es mal poli, tu seras puni.</i>

Chú ý : để nhấn mạnh một chuyện tốt hoặc xấu, người ta cũng dùng các từ « bị » và « được », trong trường hợp này câu không bắt buộc ở thể thụ động

- **bị** : chuyện không may hay không tốt xảy đến
- **được** : chuyện được xem là tốt

Thí dụ :

- Tôi **bị** đau ruột dư, phải đi nhà thương gấp.
J'ai une crise d'appendicite, je dois aller à l'hôpital rapidement.
- **Được** đi học là 1 điều may mắn.
Pouvoir aller à l'école est une chance

BÀI TẬP :

Dịch những câu sau đây sang tiếng việt (cẩn thận khi dịch động từ *être*)

1. Cette orange est à la fois parfumée et sucrée.
2. En me trébuchant sur un caillou, je tombe.
3. Nous ne sommes qu'en début de l'automne mais il fait déjà très froid.
4. Aujourd'hui, c'est l'anniversaire de ma mère. Je lui fais un bon gâteau.
5. Ecrire est un art.
6. Bonjour Madame, qui êtes-vous ? - Je suis Bác Minh, une amie de ta mère.
7. Ma sœur est enrhumée depuis hier soir.
8. L'instituteur Nhân est aussi le directeur de l'école.
9. Ce panier est trop lourd, je ne peux pas le porter.
10. Quelle heure est-il ? – Il est maintenant deux heures et demie.
11. Ces lunettes solaires sont très légères et à la mode.
12. Mon frère est étudiant.
13. Je suis malade, je ne peux pas aller à l'école.
14. Les matériaux ont été apportés en quantité suffisante.
15. Où es tu, maman ? – Je suis au marché.

Loại từ

Loại từ là tiếng đứng trước danh từ, dùng để phân loại các danh từ.

C'est une catégorie de mots placés devant les noms pour les classer, selon leurs séries ou leurs aspects caractéristiques.

I- Cách sử dụng :

- Không có loại từ đứng trước, danh từ được xem như danh từ chung, không được phân định. *Sans classificateur, le nom désigne la catégorie d'êtres ou de choses en général. ' Sans classificateur' est équivalent à l'article indéfini : un, une, des.*

Thí dụ : So sánh các câu sau

Tôi thích ăn bánh

Tôi thích ăn cái bánh mà mẹ tôi làm

Tôi thích chó

Tôi thích con chó này

Sở thú có nhiều thú vật : gấu, voi, nai, chim ...

- Sau số đếm, chúng ta phải viết loại từ.
On emploie le classificateur après un chiffre.

Thí dụ : Em cần hai cuốn vở cho môn viết ngữ.

- c. Khi không có danh từ, loại từ có thể được xem như đại danh từ.
Le classificateur peut être employé seul comme un pronom.

Thí dụ :

- Cho tôi 1 cái.
- Cái nào ?
- Cái này.

II- Các loại từ : (dưới đây là một số từ thường gặp)

1- Cái :

- Đồ vật (*choses inanimées*) : cái bàn, cái nhà, cái ghế, cái lược...
- Động từ được dùng như danh từ : cái ăn, cái mặc
verbes substantivés : le manger, le vêtir
- Tính từ được dùng như danh từ: cái đẹp, cái hay, cái xấu
adjectifs substantivés : le beau, le bien, le mal

2- Con

- Động vật (*êtres animés*) : con người, con chó, con mèo, con kiến.
- Những vật có vẻ như cử động (*choses 'mouvantes'*) : con sông, con suối, con kênh, con rạch, con đường, con đê, con dao.

3- Cây :

- Thực vật : cây cam, cây xà lách, cây táo, cây tùng..
- Những vật có hình dáng dài, mảnh mai như cây (*forme effilée*) : cây bút, cây đàn, cây thước kẻ, cây cột, cây roi, cây dù, cây đuă, cây tăm...

4- Quả hoặc trái :

- Trái cây, khi ta hái nó từ trên cây : trái cam, trái dâu, trái táo, trái xoài, trái dưa

→ Những vật gì có hình dáng tròn tròn: quả bong bóng, trái bóng, quả địa cầu, trái đất, trái tim, quả banh..

5- **Củ** : khi ta đào nó từ dưới đất : củ khoai tây, củ hành, củ tỏi, củ cà rốt, củ cải ...

6- **Hạt** : hạt lúa mì, hạt gạo, hạt nho ...

7- **Hột** : hột xoài

8- **Lá**:

→ Lá cây

→ Những vật có hình dáng mỏng manh như chiếc lá : lá phiếu, lá bài, lá thư, lá phổi

9- **Bức** : bức tranh, bức ảnh, bức tường

10- **Bao** (*paquet*) : bao gạo, bao thư..

11- **Quyển** hoặc **cuốn**: cuốn vở, cuốn sách , cuốn truyện, cuốn sổ..

12- **Môn (học)**: môn toán, môn thể thao, môn sử địa, môn lý hóa, môn pháp văn, môn anh văn

13- **Cuộn** : cuộn chỉ, cuộn len, cuộn dây thừng ...

CÂU ĐÓ :

- Quả gì to lớn có người ở trên ?

- Lá gì mọc ở trong người ?

- Trái gì ngưng đập thì hơi thở tàn ?

- Cây gì may vá phải dùng ?

- Cây gì làm trẻ khóc oà như mưa ?

- Cây gì che nắng che mưa ?

- Cây gì thiếu nó thì đừng ăn cơm ?

- Cơ thể con người có bao nhiêu thứ lá ? lá phổi, lá gan, lá lách, lá mía

- Cơ thể con người có bao nhiêu thứ quả ? quả tim, quả thận

Thiếu Nhi Thánh Thể

Từ Hán Việt	đồng nghĩa	ví dụ
Thiếu	trẻ tuổi	thiếu niên = tuổi trẻ
Nhi	trẻ con	nhi đồng
Thánh	Thánh người hiểu thấu mọi việc , người học thức và đạo đức rất thâm cao	thần thánh = <i>supernaturel</i> Thánh Thần = <i>Esprit Saint</i>
Thể	mình người	Thánh Thể = <i>eucharistie</i>

		thân thể = <i>corps</i> thể thao = <i>sport</i> , thể dục = <i>gymnastique</i>
Ấu	non nớt, mới sinh trẻ em dưới 10 tuổi thì gọi là ấu	thơ ấu
Nghĩa	việc đúng với lẽ phải	việc nghĩa
Hiệp	dùng tài, dùng sức giúp người khác	hào hiệp
Sĩ	người có học người lính	tu sĩ, nghệ sĩ bác sĩ, nha sĩ chiến sĩ
Huynh	anh	huynh đệ = anh em phụ huynh
Trưởng	người đứng đầu, lớn	đội trưởng bộ trưởng = <i>ministre</i>
Viên	người, người giữ hay làm một công việc	đội viên thành viên = <i>membre</i> giáo viên = <i>professeur</i> giáo lí viên = <i>catéchiste</i>

Viện	tường xây chung quanh, trường sở,	đại chủng viện = <i>grand séminaire</i> viện bảo tàng = <i>musée</i> thư viện = <i>bibliothèque</i> bệnh viện = <i>hôpital</i> cô nhi viện = <i>orphelinat</i>
------	--------------------------------------	--

Giải nghĩa :

Hiệp sĩ : người có khả năng, chức vụ và sẵn sàng dùng những điều đó để giúp người khác.

Tiền, Hậu, Tả, Hữu - Bất, Vô, Phi, Hữu

Từ Hán Việt	đồng nghĩa	ví dụ
Tiền	tiền	tiền bạc, tiền tài, đồng tiền , tiền tệ
Tiền	phía trước, trước	mặt tiền = <i>façade</i> tiền bối = người thế hệ trước
Tiên	trước	tiên tri = người biết trước
Hậu	phía sau sau	cửa hậu = <i>porte arrière</i> hậu quả = <i>conséquence</i>
Tả	bên trái	tả ngạn = <i>rive gauche</i> phe tả = <i>la gauche (politique)</i>
Hữu	bên phải	hữu ngạn = <i>rive droite</i> phe hữu = <i>la droite (politique)</i>
Hữu	có	tín hữu = người có đức tin, hữu lí = có lí
Bất	không	bất khuất = <i>imbattable</i> bất bình = không đồng ý bất công = <i>injuste</i>
Vô	không	vô địch = <i>champion</i> vô hình = <i>invisible</i> vô lí = <i>absurde</i> vô dụng = <i>inutile</i> vô số = <i>innombrable</i>
Phi	không	tổ chức phi chính phủ = <i>organisation non gouvernementale</i> phi lí = <i>illogique</i>
Miễn	tha cho khỏi	miễn phí = <i>gratuit</i> miễn lễ, miễn dịch

Tiểu, Trung, Đại

Từ Hán Việt	đồng nghĩa	ví dụ
Tiểu	nhỏ	tiểu học = <i>école primaire</i>
Trung	ở giữa	trung học = <i>collège, lycée</i> trung tâm = <i>centre</i> miền Trung
Trung	trung thành ngay thẳng	trung thành = <i>fidèle</i>
Đại	lớn	đại học = <i>université</i> đại chủng viện = <i>grand séminaire</i>
Học	học	học đường = <i>école</i> học sinh = <i>élève</i>
Tâm	tim	tâm niệm = đọc trong tim tâm tình = <i>sentiment</i> tâm hồn = <i>âme</i> tận tâm = <i>de tout cœur</i>
Lực	sức	tận lực = <i>de toute sa force</i> lực lượng = khoẻ mạnh
Dũng	mạnh	dũng sĩ = người có sức mạnh
Hùng	mạnh mẽ, tài giỏi	anh hùng = <i>héro</i>
Thư	tiếng để gọi người con gái	anh thư = người phụ nữ giỏi, nổi tiếng (không dùng « nữ anh hùng ») tiểu thư
Thư	sách, vở, biên chép	thư viện = <i>bibliothèque</i> thư tín = <i>courrier</i>

Giải nghĩa :

Điều tâm niệm : điều ghi sâu trong tim

Sinh vật & Địa lí Việt Nam

Vịnh Hạ Long

Vịnh Hạ Long là một **thắng cảnh** nổi tiếng ở vùng Biển Đông thuộc tỉnh Quảng Ninh, miền Bắc Việt Nam.

Hạ Long là một vịnh kín trong vùng biển rộng có diện tích khoảng 1600 km², với bờ biển **khúc khuỷu** và hàng ngàn đảo lớn nhỏ **nhấp nhô** như lưng con rồng nằm.

Các đảo đá vôi này có nhiều hình dạng khác biệt và tùy theo đó được mang các tên như hòn Cóc, hòn con Voi, hòn Gà Chọi, hòn Mái Nhà ...

Ngoài ra còn có các hang động đẹp có tên gắn liền với **truyền thuyết** như hang Đầu Gỗ (còn gọi là hang Dấu Gỗ), hang Trinh Nữ, động Mê Cung ...

Mặt nước Hạ Long ít khi có sóng lớn. Nước biển trong xanh màu ngọc bích.

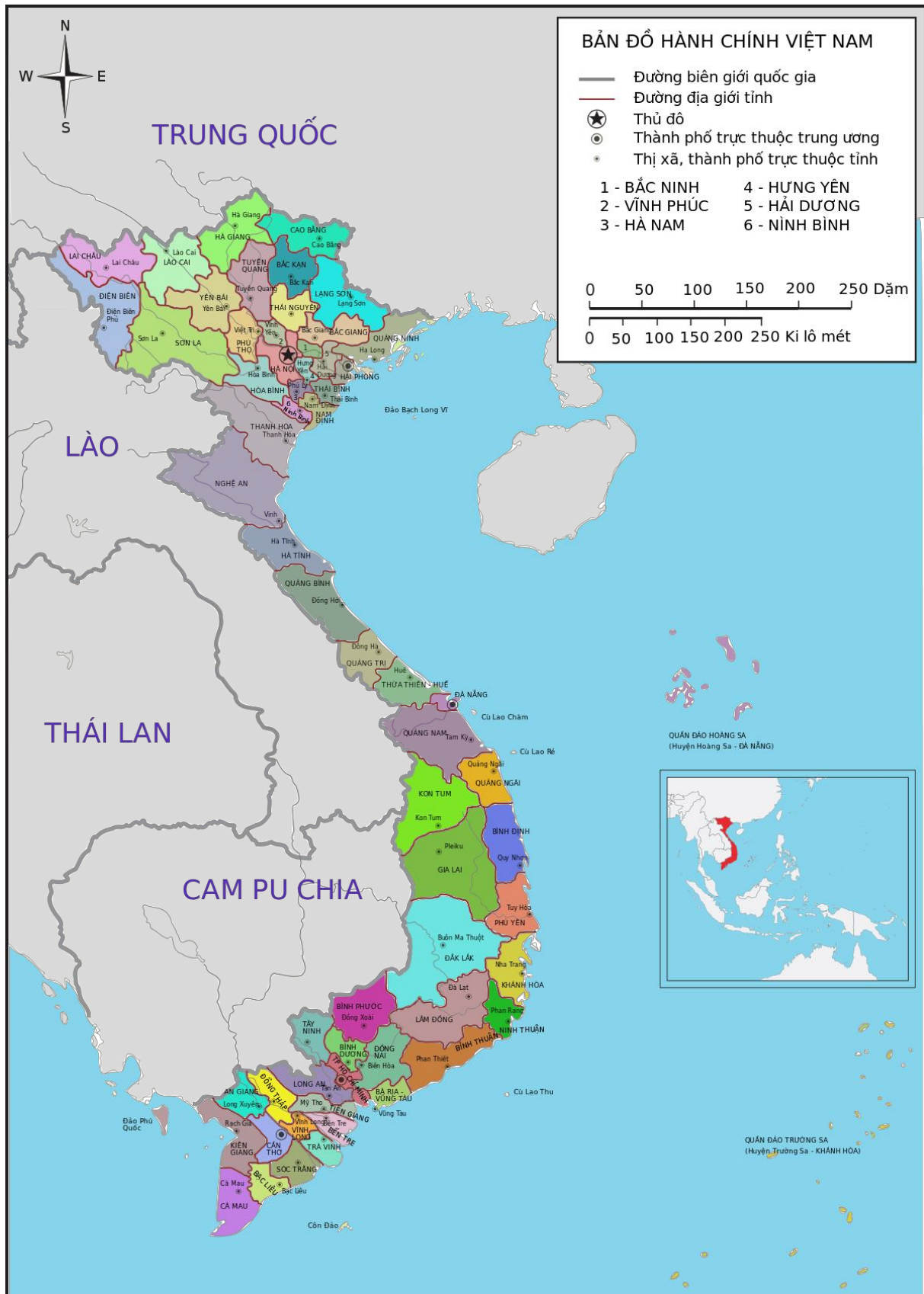
Với vẻ đẹp vừa **hùng vĩ**, vừa **duyên dáng** thơ mộng, vịnh Hạ Long đã được UNESCO công nhận là **di sản thiên nhiên** của thế giới.

Giải nghĩa:

- **Thắng cảnh** : cảnh đẹp nổi tiếng
- **Khúc khuỷu** : quanh co liên tiếp một quãng dài
- **Nhấp nhô** : cái cao, cái thấp
- **Truyền thuyết** : truyện dân gian truyền miệng về các nhân vật, kỉ tích lịch sử
- **Hùng vĩ** : to lớn, tạo nên ấn tượng mạnh mẽ, hùng dũng
- **Duyên dáng** : có duyên, trông xinh xắn, dễ thương
- **Di sản thiên nhiên** : giá trị tinh thần và vật chất về thiên nhiên của văn hóa thế giới



Bản đồ Việt Nam



Thăm Nha Trang

Nha Trang nằm ven bờ biển trung phần là một **thành phố du lịch** nổi tiếng của Việt Nam.

Tôi đến đây vào một buổi chiều mùa hạ. Giờ này nhiều người đã ra dạo mát ngoài bờ biển. Tuy nhiên phố xá cũng không kém về **náo nhiệt**, nhất là ở phố chợ. Hai bên con đường nhựa thẳng tắp, san sát những **cửa hàng tạp hóa**, cửa hiệu bán **lâm sản** và **hải sản**.

Sau khi đi thăm viện Pasteur, Hải Học Viện, phi cảng, trường Đại Học Hải Quân, tôi ra bãi biển. Trên bãi cát hình **bán nguyệt** nằm dài giữa hai hàng dừa và **phi lao**, những tà áo đủ các màu bay **phất phới**.

Ngoài xa, những cánh buồm trắng in trên nền trời trong xanh; những hòn đảo - nhất là hòn Chồng - lộ nhô trên mặt nước biển phẳng lặng, thấp thoáng có bóng chim én đi về.

theo Chiêu Đăng



Giải nghĩa:

- **Thành phố du lịch** : thành phố có nhiều người tới thăm viếng vì có phong cảnh, đền đài, hoặc các sinh hoạt đặc biệt
- **Náo nhiệt** : nhộn nhịp, nhiều hoạt động ồn ào
- **Cửa hàng tạp hóa** : cửa tiệm bán nhiều mặt hàng
- **Lâm sản** : sản phẩm lấy từ rừng như gỗ, sừng, xương thú, ngà voi ...
- **Hải sản** : sản phẩm lấy từ biển như cá, tôm, cua ...
- **Bán nguyệt** : nửa mặt trăng, ý nói nửa vòng tròn
- **Phi lao** : loại cây thông trồng để lấy bóng mát và để giữ cát ở các bãi biển
- **Phất phới** : bay qua lại theo chiều gió

Trâu đầm

Trâu ở nước ta thuộc phân loại trâu đầm ; ở độ trưởng thành nặng khoảng từ 250 đến 500 kí, cao độ thước rưỡi, có con cao đến thước tám. Lông thưa; da dày, khô, màu tro sẫm ; cũng có một số, rất ít, màu trắng hồng. Đầu nó to, hơi ngắn ; trán phẳng, hẹp ; mắt lồi với lông mi dài ; tai khá lớn ; sừng đen, dài – dài nhất trong số các loài thú có sừng – nhọn và cong theo hình bán nguyệt ; vai vạm vỡ khỏe mạnh, ngực lép, bụng to tròn, lưng dốc về phía sau với cái đuôi hơi ngắn ngoe nguẩy luôn...

Trâu 3 tuổi có thể đẻ lứa đầu. Một đời trâu cái thường cho 5, 6 trâu con, còn gọi là nghé. Nghé sơ sinh nặng khoảng từ 22 đến 25 kí.

Trâu được trân quý nhất trong các loại gia súc – nhất là đối với nông dân – vì trâu không chỉ cho thịt, da, sữa (sữa trâu có lượng béo rất đậm) mà còn giúp nhiều trong việc đồng áng như kéo cày, kéo xe...

Trâu kéo cày rất khỏe, mỗi ngày nó có thể cày đến cả nghìn thước vuông ruộng ; hoặc kéo xe thì đến cả tấn nếu mặt đường bằng phẳng. Chả trách ta có câu tục ngữ :

*Muốn giàu thì nuôi trâu nái
Muốn lụn bại thì nuôi bò câu.*

Hoặc câu ca dao sau :

*Trâu ơi ta bảo trâu này:
Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta.
Cấy cày vốn nghiệp nông gia,
Ta đây trâu đấy, ai mà quản công.
Bao giờ cây lúa còn bông,
Thì còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn..*



Hoặc :

*Cánh đồng ta năm đôi ba vụ
Trâu với người vất vả quanh năm.*



Kỉ niệm tuổi thơ của dân quê là những buổi cưỡi trâu qua sông rồi phơi áo và thả diều trên lưng nó.

Vì có nhiều gắn bó với nông thôn nên trâu còn là một trong những biểu tượng của nước ta – một nước chuyên về nông nghiệp – cùng với những hạc, sen, tre...

Ngữ vựng :

- *Đầm (lầy)* : vùng đất trũng, ngập nước vì lũ lụt mà nước đọng lại chưa thoát.
- *Trưởng thành* : người hoặc sinh vật phát triển đến mức hoàn chỉnh, đầy đủ về mọi mặt.
- *Sơ sinh* : thời gian ngắn sau khi mới sinh ra
- *Biểu tượng* : hình ảnh mang ý nghĩa tượng trưng

Tìm ý chính của bài :

Nêu những đặc điểm của trâu.



Tìm hiểu thêm :

Trâu hay còn gọi là trâu nước – được thuần hoá sau bò – gồm hai loại : trâu sông và trâu đầm.

Ở châu Á, trâu được thuần dưỡng ở vùng sông Ấn và vùng Lưỡng Hà (Ba Tư) từ khoảng 5 nghìn năm trước. Chúng xuất hiện tại thung lũng Jordan (Ước Đán) lần đầu tiên vào khoảng 700 năm sau công nguyên do người Ả Rập đưa đến từ vùng Lưỡng Hà và sau đó vào cả Ai Cập.

Những sử liệu cho biết người Việt cổ đã sớm thuần hóa trâu, bắt đầu từ hậu thời kỳ đồ đá mới cách nay gần 5 nghìn năm, để giúp nghề trồng lúa nước. Từ những vùng phía nam, chúng đến Trung Hoa vào khoảng 2 nghìn năm trước công nguyên.

Thời dân ta bị người Tàu đô hộ, để tiện bề khống trị, họ cấm dân ta nuôi trâu cái và phải mua trâu của họ với giá rất cao.

Có thuyết cho rằng người Mông Cổ khi tiến quân xâm lược đã đưa trâu vào châu Âu. Nhưng đúng hơn có lẽ chúng đã được những chiến binh Thập Tự Chinh mang về. Vào cuối thế kỷ XIII, đã khá nhiều trâu được nuôi ở khu vực sông Danube và vùng đầm lầy Pontin thuộc Ý Đại Lợi.

Ấn Độ là nước nuôi nhiều trâu nhất thế giới. Người Ấn dùng sữa trâu thay cho sữa bò vì với họ bò là thần vật. Trâu ở đây là loại trâu sông được chọn lọc và cấy giống qua thời gian dài theo hướng sản xuất sữa. Mặt cũng như thân của trâu sông dài và thon hơn trâu đầm nước ta; sừng ngắn, cong về phía dưới, ra đằng sau rồi hướng lên trên thành hình xoắn ốc. So với trâu đầm, tai trâu sông nhỏ hơn, mỏng hơn và rủ xuống; chân cao, to với cái đuôi dài, mảnh. Đặc biệt là bầu vú nảy nở với các núm mọc thẳng hàng, cân đối, khoảng cách rộng rất thích hợp cho việc lấy sữa. Trâu sông có da và lông đen, bóng hơn trâu đầm.

Trâu sông đực nặng trên dưới 700 kí, có con nặng cả nghìn kí. Trâu cái nhẹ hơn, khoảng 400 kí, có thể lên đến 900 kí. Nghé sơ sinh nặng khoảng 30 kí.

Đến nay, ở Ấn Độ và Pakistan có tới 18 giống trâu sông khác nhau.

Tằm dâu

Nắng Sài Gòn anh đi mà chợt mát

Bởi vì em mặc áo lụa Hà Đông ...

Những vần thơ diễm tình của Nguyên Sa không ai trong chúng ta mà không biết.

Hà Đông, một tỉnh lỵ nhỏ bé nằm bên bờ sông Nhuệ, cách Hà Nội 10 cây số về hướng tây, là nơi trồng dâu – nuôi tằm – ươm tơ – dệt lụa nổi tiếng nhất nước ta. Ở Pháp thì Lyon chuyên về ngành dệt lụa với kĩ thuật tân kì. Con người có được những mảnh lụa óng ả, mượt mà là do công khó của con tằm cả đời nhả tơ.

Tằm là một loại sâu ăn lá. Nó có thể đã bị tiêu diệt, như các loại sâu phá hoại mùa màng khác, nếu như người ta không phát hiện ra đặc điểm của chất mà nó nhả ra sau quá trình tiêu hóa, đó là tơ.

Từ những cái trứng nhỏ li ti cho đến lúc chết, tằm dâu (tên khoa học : Bombyx mori-Linnaeus) trải qua tổng cộng 4 thời kỳ phát triển và lột xác với tên gọi khác nhau : trứng > tằm > nhộng (kén) > và sau cùng là ngài.

– Trứng tằm hình bầu dục màu trắng sữa hoặc hơi vàng, trên mặt trứng có nhiều lỗ thông hơi nhỏ li ti. Từ 8 đến 10 ngày, ở 25 °C, trứng nở thành tằm.

– Tằm ăn lá dâu để tích lũy dinh dưỡng (gọi là thời kỳ ăn rỗi), chúng tiêu thụ khoảng 75 % lượng thức ăn của cả đời ; chúng ăn ngày ăn đêm và phát triển rất nhanh – lớn gấp 8 000 đến 10 000 lần so với khi mới nở.

– Khi tằm “chín”, lột xác rồi lên ổ thành nhộng. Và bắt đầu từ đây làm công việc ý nghĩa nhất của đời tằm là... nhả tơ. Trong 2 ngày đêm, chúng miệt mài nhả ra những sợi tơ óng ả cuốn quanh mình. Sang ngày thứ 3, người ta gỡ kén ươm tơ. Riêng một số ít được chọn làm giống cho lứa sau thì sẽ ngủ trong khoảng 6 ngày, sau đó phá kén ra ngoài, biến thành ngài.

– Bắt đầu một quá trình mới : trưởng thành. Con đực và con cái tìm nhau để giao phối và ngài cái đẻ trứng. Để hết trứng thì chết.

Vòng đời của tằm chỉ vốn vẹn khoảng một tháng và phải luôn được chăm sóc tỉ mỉ. Nỗi vất vả của người nuôi tằm được dân gian đúc kết qua câu tục ngữ : “Nuôi lợn ăn cơm nằm, nuôi tằm ăn cơm đứng” là thế.

Nghề nuôi tằm, dệt lụa của dân ta đã có từ thời các vua Hùng. Người ta cho kén vào nước nóng để kéo ra từng sợi tơ màu vàng nhạt (tơ Tàu có màu trắng ngà). Những sợi tơ ấy được se vào nhau để tạo thành những vạt lụa mịn màng, óng ả rồi nhuộm những sắc màu đậm thắm ; cho chúng ta cảm giác ấm áp khi đông sang mà mát mẻ lúc hè về.

Và :

Em ở đâu, hồi mùa thu tóc ngắn

Giữ hộ anh màu áo lụa Hà Đông...

Ngữ vựng :

- Tân kì: mới lạ, thời mới
- Lột xác: bỏ lớp vỏ hay bộ da, bộ lông bên ngoài
- Vòng đời: chu kì sống

Tìm ý chính của bài :

Nêu những đặc điểm của tằm dâu.

Tìm hiểu thêm :

Nói về tằm thì không thể không nhắc đến dâu, vì lá dâu là nguồn thực phẩm duy nhất của tằm – chính vì thế mà nảy sinh cái tên “tằm dâu” – Những mùa khô nắng cháy, lá dâu có thể thay thế cỏ làm thức ăn cho gia súc như bò, dê...



Dân ta gọi đơn giản là cây dâu hay cây dâu tằm, nhưng đúng ra phải gọi là cây dâu trắng (tên khoa học là *Morus alba*) để phân biệt với các loại dâu khác như dâu đỏ, dâu đen không có ở nước ta.

Dâu là một loại cây gỗ cao khoảng 15-20 thước. Cành không gai, nhiều nhựa. Rễ ăn sâu vào lòng đất và tỏa ra khoảng 2-3 thước. Quả của nó màu trắng hồng – loại dâu mọc hoang thì quả màu đỏ sẫm –, và có vị nhạt chứ không đậm đà như các loại dâu đỏ hay dâu đen.

Với hình tim ở gốc và nhọn ở chóp, lá dâu có các khía răng cưa nhỏ viền mép. Chiều dài trung bình của lá dâu khoảng 8-15 phân – những cây dâu non, khỏe có thể cho lá dài đến 20 phân. Lá rụng hằng năm vào mùa đông.

Trung bình cây dâu sống từ 8 đến 12 năm. Nếu được trồng trên những mảnh đất phì nhiêu và chăm sóc kĩ lưỡng thì tuổi thọ của cây dâu có thể lên đến 50 năm.



Tơ tằm, thơ tó

Con tằm khi đã nhả tơ
Biến thành con nhộng nằm mơ một mình...

Tơ tằm, thơ tó, cũng xin
Đừng ai chê trách sự điên tại trời.

Thơ điên tó nhả, người ơi,
Như tằm rút ruột để nguôi nỗi lòng.

Bút điên cứ viết viễn vông,
Mực khô còn đọng ngóng trông vài
dòng, Để quên hơi ẩm gió đông
Mỗi lần gió bắc thổi cuồng ở đây.

Traduction :

Ver à soie, vers à moi

*Le ver qui a craché sa soie
Se met en chrysalide pour rêver seul sans joie...*

*Soie de ver, vers à moi, je vous prie
De ne pas moquer notre prédestinée folie.*

*Je crache des vers fous, vous savez,
Comme le ver qui dévide ses tripes pour s'apaiser.*

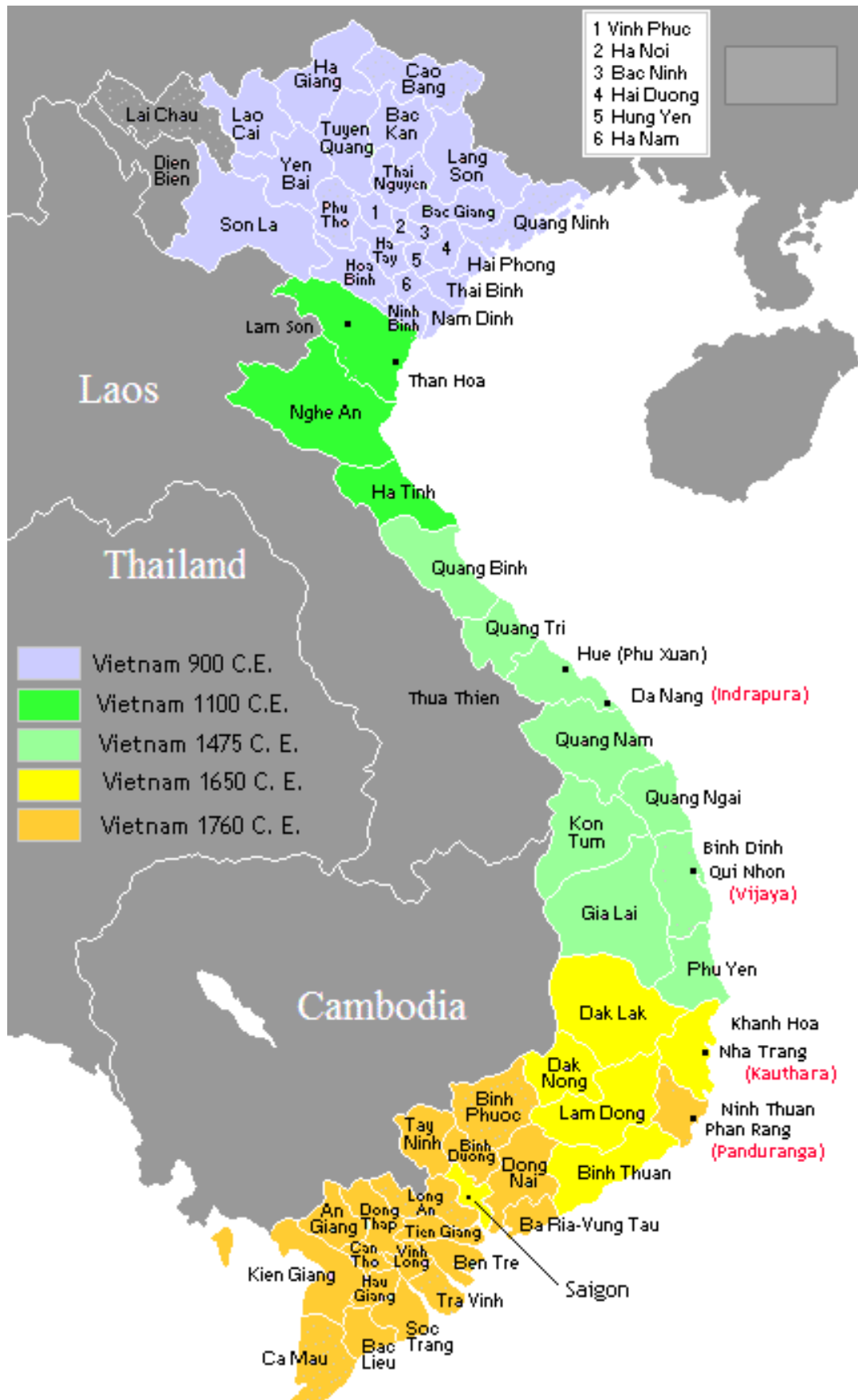
*Ma plume folle écrit des choses stupides,
Et l'encre se dessèche dans l'attente de quelques
lignes,
Pour oublier le vent d'est et sa chaude haleine
Chaque fois que le noroît rageusement tempête.*

Tác giả - dịch giả : Đông Phong



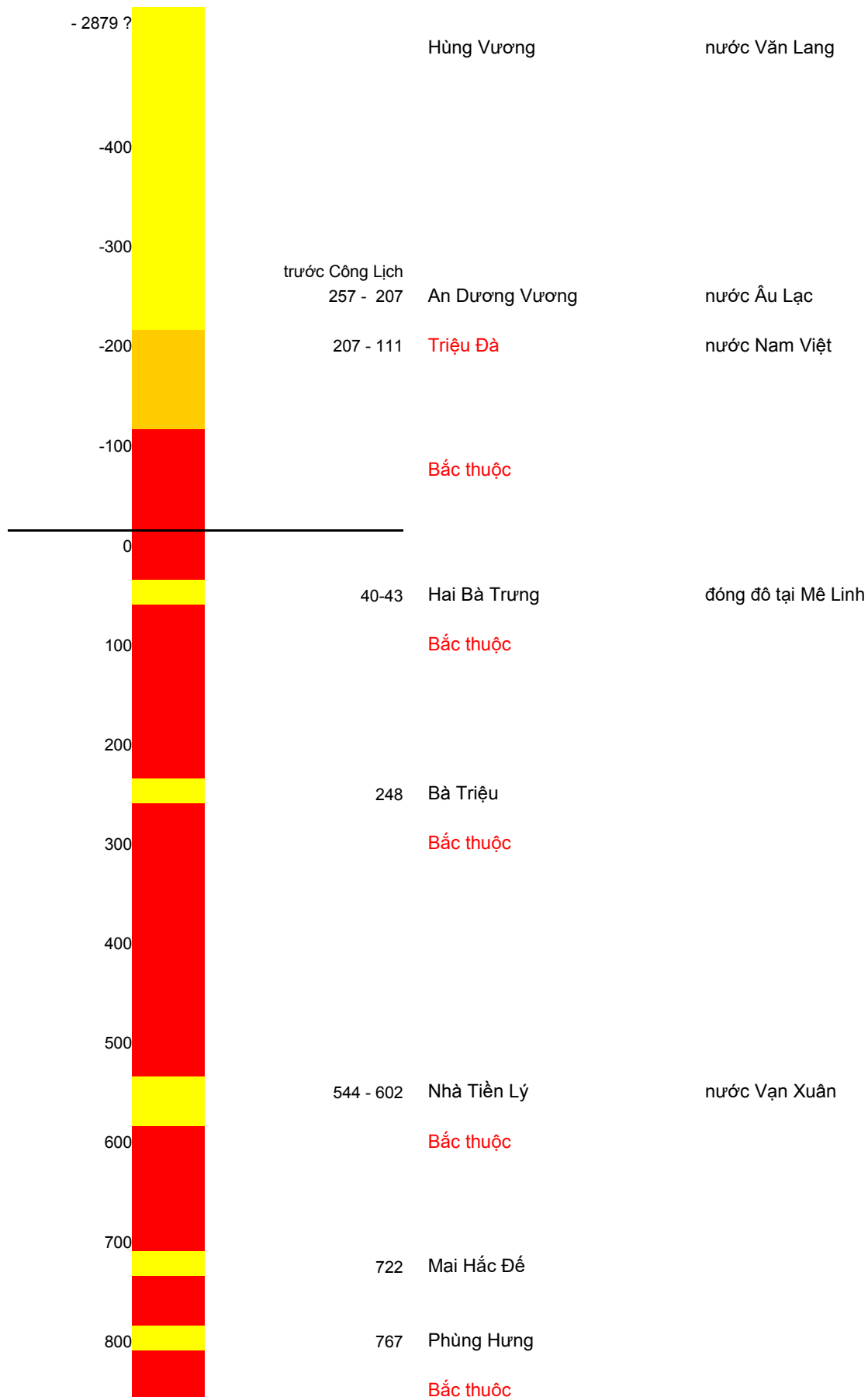
Lịch sử Việt Nam

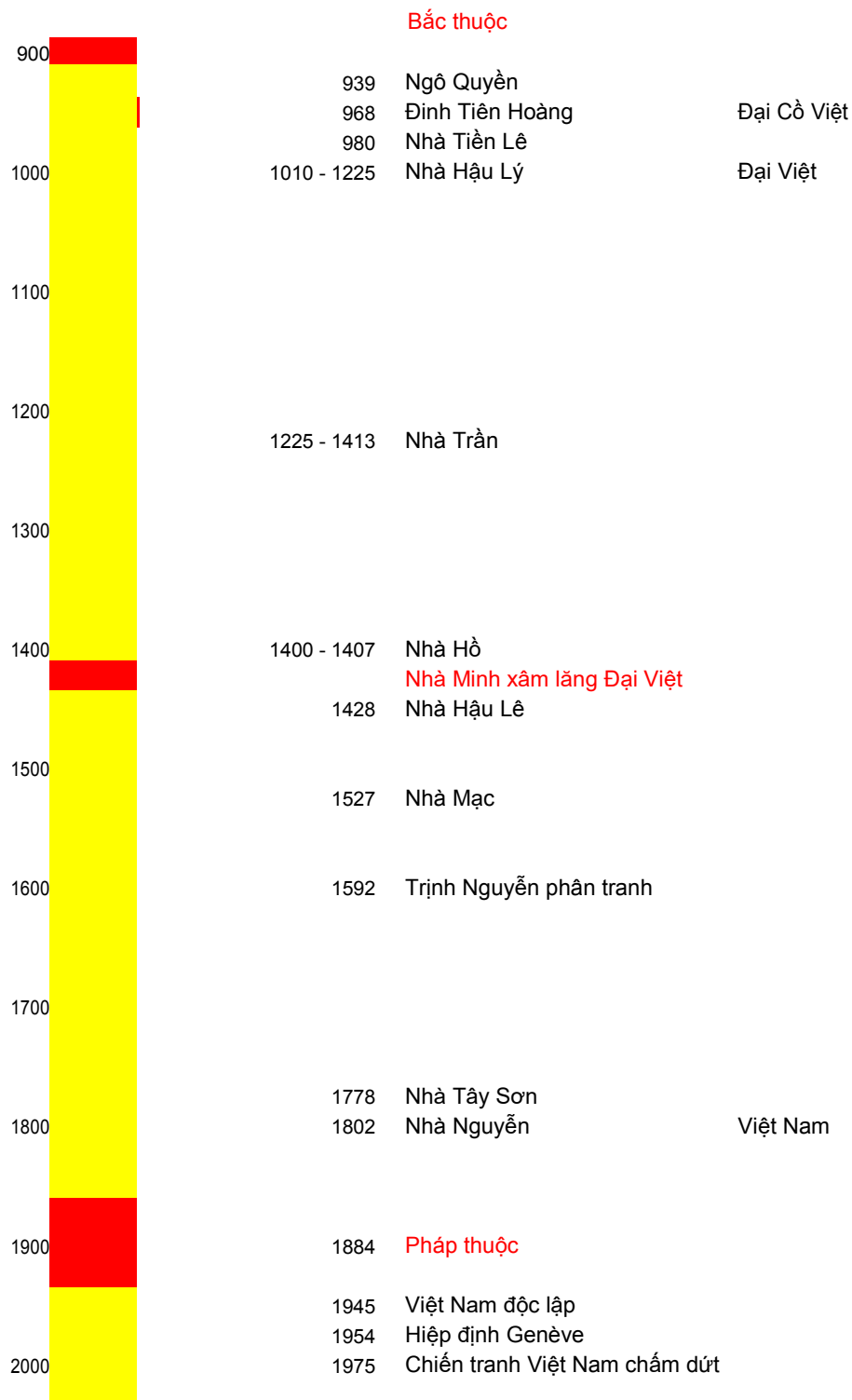
Lãnh thổ Việt Nam qua các triều đại



43

Niên biểu lịch sử Việt Nam





Tóm lược lịch sử Việt Nam

Lịch sử Việt Nam có thể được chia thành 6 giai đoạn :

1- Các vua Hùng dựng nước :

Nước **Văn Lang** bắt đầu cách đây gần 5000 năm (xem bài Trống đồng – di tích văn hoá Lạc Việt).

Thời đó thuộc về huyền sử, vì không có sách sử nào ghi lại, nhưng được dân gian kể lại qua các câu chuyện :

D. Lạc Long Quân và bà Âu Cơ (Lạc Long Quân là Hùng Vương 2)

E. sự tích trầu cau (thời Hùng Vương 4 ?)

F. sự tích bánh chưng – bánh dày (thời Hùng Vương 6)

G. sự tích quả dưa đỏ (thời Hùng Vương 10)

H. Sơn Tinh - Thủy Tinh (thời Hùng Vương 18)

2- Từ An Dương Vương tới Hai Bà Trưng :

Sách sử có chép rằng năm 257 trước Công Nguyên, An Dương Vương thay Hùng Vương làm vua, đổi tên nước là **Âu Lạc**.

An Dương Vương xây thành Cổ Loa, làm cung nỏ, bắn tên đầu bịt đồng để giữ nước.

Đến năm 207 trước Công Nguyên thì mất nước vào tay Triệu Đà (xem chuyện My Châu và Trọng Thủy).

Từ năm 40 đến năm 43, nước ta lại được độc lập nhờ Hai Bà Trưng. Trưng Trắc và Trưng Nhị cũng thuộc dòng dõi Hùng Vương.

3- Một ngàn năm Bắc thuộc :

Thật ra thời kì này kéo dài gần 900 năm. Đó là thời kì nước ta bị Trung Hoa (phương Bắc) đô hộ, bắt đầu năm 43 và kéo dài đến năm 938.

Trong suốt 9 thế kỉ, những cuộc khởi nghĩa thường xuyên, chống lại guồng máy thống trị phương Bắc đã nhắc nhở cho người Việt rằng chúng ta là một dân tộc có nguồn gốc và văn hóa khác người Trung Hoa, chúng ta có một lãnh thổ riêng cần được bảo vệ. Những cuộc khởi nghĩa đó đã hun đúc nên tinh thần tự chủ, lòng yêu nước, tình thương giống nòi, niềm tự hào dân tộc.

Năm 938, Ngô Quyền dùng kế đóng cọc nhọn dưới lòng sông Bạch Đằng đánh tan quân Nam Hán, đã mở ra một thời kì độc lập lâu dài cho nước ta.

4- Các triều đại phong kiến :

Đây là thời gian nước ta được độc lập với các triều đại :

968	980	Đinh	: Đinh Bộ Lĩnh cò lau tập trận
980	1009	Lê	: Lê Đại Hành phá tan quân Tống
1010	1225	Lý	: Lý Thường Kiệt đánh Tống, bình Chiêm

1225	1413	Trần	: Nhà Trần 3 lần đại thắng quân Nguyên
1400	1407	Hồ	: Nhà Hồ mất nước vào tay giặc Minh
1428	1788	Lê	: Lê Lợi đuổi giặc Minh
1527	1667	Mạc	: chúa Trịnh và chúa Nguyễn phò vua Lê đánh nhà Mạc
1778	1802	Tây Sơn	: Nguyễn Huệ đại thắng quân Thanh
1802	1945	Nguyễn	: từ thời này, nước ta mang tên là Việt Nam

5- Thời kì Pháp thuộc :

Từ năm 1886 đến năm 1945, Pháp đô hộ Đông Dương (Indochine) gồm Việt Nam, Lào và Cam-Bốt. Nước ta bị Pháp chia thành Bắc Kì, Trung Kì và Nam Kì.

6- Giai đoạn 1945-1975 :

- ngày 2-9-1945: nước Việt Nam giành được độc lập
- 1945 – 1954 : chiến tranh Việt – Pháp, kết thúc bằng trận đánh Điện Biên Phủ Hiệp định Genève, chia đôi đất nước (lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới) :
 - miền Bắc (thủ đô là Hà Nội) thuộc khối cộng sản
 - miền Nam (thủ đô là Sài Gòn) thuộc khối tự do
- 1954 – 1975: chiến tranh giữa miền Nam (thể chế cộng hòa) và miền Bắc (cộng sản)
- ngày 30-4-1975: cộng sản chiếm miền Nam.

Nước Việt Nam thống nhất, mang tên là Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Nhìn lại lịch sử Việt Nam để nhớ ơn cha ông chúng ta đã dựng nước và giữ nước.

Mỗi người Việt Nam, dù ở trong nước hoặc ngoài nước đều có bổn phận phát triển đất nước, đem lại tự do hạnh phúc cho toàn dân.

CÂU HỎI :

4. Theo huyền sử, các vua Hùng truyền được bao nhiêu đời, từ khoảng năm nào đến năm nào ? Thời đó, nước ta mang tên là gì ?
5. Sau các vua Hùng, ai đã làm vua ? và đổi tên nước là gì ?
6. Hai Bà Trưng đã giành được độc lập từ năm nào đến năm nào ?
7. Sau 900 năm bị phương Bắc đô hộ, ai đã chiến thắng quân Tàu trên sông Bạch Đằng mở ra thời kì độc lập lâu dài cho nước Nam ?
8. Kể tên, theo thứ tự thời gian, các triều đại phong kiến của nước ta.
9. Nước ta mang tên là Việt Nam từ năm nào ?
10. Nước Việt Nam bị Pháp đô hộ từ năm nào đến năm nào ?
11. Chiến tranh Việt – Pháp diễn ra từ năm nào đến năm nào ? và kết thúc bằng sự kiện gì ?
12. Nội chiến Bắc - Nam diễn ra từ năm nào đến năm nào ? và kết thúc bằng sự kiện gì ?
13. Là người mang nguồn gốc Việt, chúng ta có bổn phận gì ?

TRỐNG ĐỒNG

Di tích văn hóa Lạc Việt

Trống đồng là một trong những di tích văn hóa cổ xưa nhất của người Việt.

Trống đồng là thành quả của nền văn hóa **Lạc Việt**, thời đại **Hồng Bàng**, khởi đầu cách đây gần năm ngàn năm⁽¹⁾.

Các nhà khảo cổ đã tìm ra nhiều chiếc trống đồng tại tỉnh Thanh Hoá và lưu vực sông Hồng. Đẹp nhất là trống đồng Ngọc Lũ (xem ảnh bên) hiện được trưng bày tại viện bảo tàng lịch sử Hà Nội. Tại Paris, có musée Guimet trưng bày trống Sông Đà. Theo các nhà nghiên cứu, những chiếc trống này đã được đúc cách đây khoảng 2700 đến 2200 năm.



Trống đồng của người Lạc Việt là những chiếc trống lớn, cao khoảng 60 phân, đường kính khoảng 80 phân, nặng đến gần 100 kilô. Được dùng trong các nghi lễ trang nghiêm, cũng như các hội hè vui vẻ, tiếng trống đồng trầm hùng vang vọng tạo ra một không khí uy nghi, làm tăng lòng tự hào dân tộc và làm cho kẻ thù phải khiếp sợ.

Theo học giả Trần Văn Khê, một chuyên viên về âm nhạc cổ truyền Việt Nam: “ Trên mặt trống, tang trống đều có hoa văn chạm rất công phu và nghệ thuật. Chính giữa mặt trống có chạm hình một ngôi sao nhiều cánh (14 cánh như trên trống đồng Ngọc Lũ). Vây quanh có nhiều vòng tròn đồng tâm trong đó có chạm nhiều loại hoa văn khác nhau: chim mỏ dài, chim mỏ ngắn, hươu, nhiều cảnh sinh hoạt như gặt gạo, tấu nhạc, múa, chèo thuyền, những đoàn người mình gắn lông chim như cánh chim...”

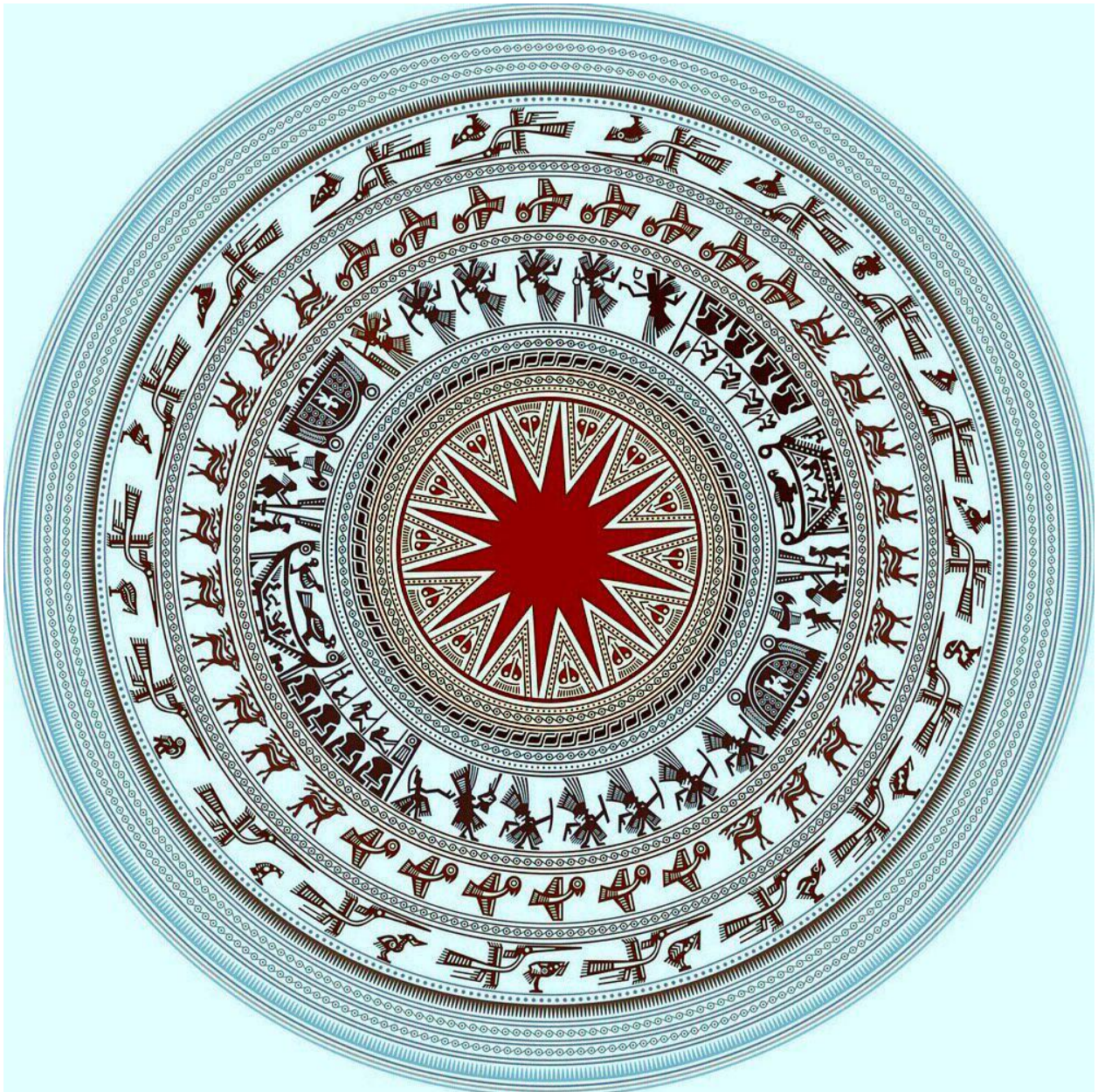
Người gặt lúa dùng chày đứng như nhiều dân tộc châu Phi. Phía dưới mặt trống, trên miếng đồng nhô ra bao quanh có chạm hình những người đi trên thuyền, cầm khí giới, búa, tên, và lao. Hoa văn đó gợi chúng ta hình ảnh một bộ lạc gồm có người trồng trọt, săn bắn, đánh giặc, tấu nhạc, và múa...” (*xem hình mặt trống trên trang sau*).

Những chiếc trống lớn như vậy mà chỉ là một khối đồng thau ⁽³⁾ duy nhất, không có đường lắp ráp. Điều đó chứng tỏ người Lạc Việt đã thông thạo kĩ thuật làm khuôn to và chính xác, có chạm trổ tinh vi, biết đốt lò đúc đồ đồng có nhiệt độ cao (đến 1400°C)⁽²⁾, biết pha chế đồng thiếc và chì thành hợp kim đồng thau ...

Như vậy, trống đồng không chỉ là một nhạc cụ, mà còn là một bảo vật đã được người Lạc Việt tạo ra với tất cả tâm hồn và tài năng của họ. Trống đồng đúng là một kho tàng văn hoá chúng ta cần tìm hiểu.

Để kết luận, xin mượn bài thơ "Trống đồng" của nhà thơ Hải Phương:

*Nương nhau cặp trống Rồng tiên
Khi gấm thét sấm, khi rầm rĩ mưa
Gieo dùi, trời ngấn, đất ngơ
Quân thù rút kiếm, rơi cờ bao phen.*



Chú thích :

- (1) Theo « Việt sử toàn thư » của Phạm Văn Sơn và « Việt Nam sử lược » của Trần Trọng Kim, nhà Hồng Bàng khởi đầu năm 2879 v à kết thúc năm 258 trước Tây lịch, truyền được 18 đời vua, gọi là Hùng Vương.
- (2) Nhiệt độ nóng chảy của đồng là 1100 độ C. Nhưng muốn đúc những vật lớn như trống đồng, thì nhiệt độ của đồng lỏng phải khá cao, từ 1200 độ C đến 1250 độ C để cho độ nhớt giảm xuống và đồng có thể chảy đầy vào mọi chi tiết của khuôn. Khi đó lò nấu phải chịu đựng được nhiệt độ khoảng 1400 độ C.
- (3) Đồng thau (bronze) là hợp kim (alliage) được tạo thành từ đồng (cuivre), thiếc (étain), chì (plomb) ...

Giải nghĩa :

- Di tích : những dấu vết của thời xưa, còn tồn tại tới ngày nay
- Văn hóa : những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo trong xã hội
- Thành quả : kết quả
- Khảo cổ : nghiên cứu về quá khứ
- Lưu vực : vùng đất đai chịu ảnh hưởng của một con sông chảy qua
- Viện bảo tàng : nơi sưu tầm, cất giữ, trưng bày những tài liệu, hiện vật có giá trị, ý nghĩa lịch sử
- Nghiên cứu : suy nghĩ, tìm tòi
- Đường kính : đoạn thẳng đi qua tâm và nối hai điểm của một hình tròn
- Tự hào : hãnh diện
- Chuyên viên : người hiểu biết nhiều về một môn ngành nào đó
- Cổ truyền : từ xưa để lại
- Đường lắp ráp : chỗ nối giữa 2 phần trên một vật
- Nhạc cụ : dụng cụ làm nên tiếng nhạc
- Bảo vật : vật quý
- Kho tàng : kho cất giữ của cải vật chất

CÂU HỎI :

14. Trống đồng tìm được ở Việt Nam đã được đúc vào thời gian nào, tại đâu ?
15. Em hãy tả chiếc trống đồng.
16. Trống đồng cho em biết gì về văn hoá Lạc Việt ?

Lê Lợi (1385 – 1433)

Năm 1407, quân Minh (người Trung Hoa) đánh nước ta, mượn cớ là đánh nhà HỒ để lấy lại cơ nghiệp cho nhà TRẦN. Sau khi đánh bại Hồ Quý Ly, quân Minh lấy hết sách vở, tài vật và bắt cả người tài giỏi của ta đưa về Tàu. Nhà Minh bắt đầu đặt chánh sách **đô hộ** và thu thuế. Dân chúng sống rất khổ sở.

Bấy giờ ở làng Lam Sơn, tỉnh Thanh Hóa có một nhà nông giàu có tên là Lê Lợi. Ông có tính hào hiệp, khảng khái hay giúp đỡ người nghèo khó. Thấy quân Minh càng ngày càng **hà hiếp** dân chúng, Lê Lợi bèn **chiêu mộ hào kiệt**, **khởi ngh** ĩa ở Lam Sơn. Ông được nhiều người tài giúp đỡ, trong số đó có Nguyễn Trãi và Lê Lai. Cuộc kháng chiến kéo dài suốt 10 năm (1418-1428) mới thành công.

Lúc đầu, Lê Lợi bị thua luôn. Ba lần ông phải rút quân về Chí Linh và chịu nhiều gian khổ. Sau ông đánh thắng được nhiều trận nên người theo càng ngày càng đông. Các tướng nhà Minh tên là Vương Thông bị vây ở Tây Đô, Liễu Thăng bị chém ở Chi Lăng. Quân Minh lần lượt tan rã, phải rút về nước.

Năm 1428, Lê Lợi lên ngôi vua lấy hiệu là Lê Thái Tổ, đóng đô ở Thăng Long và đặt tên nước ta là Đại Việt.

Nhà **Hậu LÊ**, từ vua Lê Thái Tổ đến Lê Cung Hoàng trị vì được 100 năm (1428 – 1527).



Giải nghĩa:

- **Đô hộ**: nắm giữ và điều khiển tất cả bộ máy chính quyền
- **Hà hiếp**: lấn áp, đè nén bằng quyền lực
- **Chiêu mộ**: tập hợp người để làm một việc gì
- **Hào kiệt**: người có tài năng và chí khí hơn người bình thường
- **Khởi nghĩa** : tập hợp lực lượng nổi dậy, lật đổ chế độ đang đô hộ

Câu hỏi:

1. Quân Minh lấy cớ gì sang xâm chiếm nước ta ?
2. Dưới sự cai trị của người Trung Hoa, dân chúng ta sống như thế nào ?
3. Ông Lê Lợi chống quân Minh trong bao lâu ?
4. Khi lên làm vua, ông Lê Lợi đặt tên nước ta là gì ?

Nguyễn Trãi (1380 – 1442)

Ông Nguyễn Trãi người tỉnh Hải Dương, là bậc **đệ nhất công thần** đời Hậu Lê. Ông đỗ **Thái Học Sinh** năm mới 21 tuổi.

Sau đó, quân Minh sang cướp nước ta và bắt cha ông là Nguyễn Phi Khanh dẫn về Tàu. Nguyễn Trãi định theo sang **Kim Lăng** để **phụng dưỡng** cha già nơi **đất khách**. Khi đến **ải Nam Quan**, vâng lời cha dạy, ông trở về quyết tâm trả nợ nước, báo thù nhà.

Nguyễn Trãi tìm đến giúp Lê Lợi và được đặt làm quân sư để lo việc chống quân Minh. Suốt 10 năm kháng chiến, ông luôn ở cạnh Lê Lợi để tổ chức mọi việc quân sự, chính trị. Sau khi đánh đuổi được quân Minh ra khỏi nước, ông vâng lệnh Bình Định Vương Lê Lợi làm ra bài “**Bình Ngô Đại Cáo**”. Đây là một áng văn có giá trị cao trong nền văn học Việt Nam.



NGUYỄN TRÃI (1380-1442)

Sau khi vua Lê Thái Tổ (Lê Lợi) mất năm 1433, ông từ quan xin về hưu trí tại núi Côn Sơn, tỉnh Hải Dương năm 1439. Nguyễn Trãi mất năm 1442.

Giải nghĩa:

- *Đệ nhất công thần* : vị quan có công nhất trong triều đình
- *Thái Học Sinh*: tiến sĩ
- *Kim Lăng*: một tỉnh bên Trung Hoa
- *Phụng dưỡng*: chăm sóc, nuôi dưỡng cho người bề trên (cha mẹ)
- *Đất khách*: nước của người khác, ý nói nước Trung Hoa
- *Ải Nam Quan*: cửa ải, biên giới giữa Việt Nam và Trung Hoa có tên Nam Quan
- *Bình Ngô Đại Cáo*: bản công bố cho quốc dân về việc đánh đuổi giặc Ngô (Trung Hoa) ra khỏi đất nước
- *Mất* = từ trần: chết

Câu hỏi:

Cha của Nguyễn Trãi là ai ? Tại ải Nam Quan, ông đã khuyên Nguyễn Trãi điều gì ?

1. Trong mười năm kháng chiến chống quân Minh, Nguyễn Trãi đã giúp Lê Lợi những việc gì ?
2. Nguyễn Trãi là tác giả của áng văn nào được coi là có giá trị cao trong nền văn học Việt Nam ?

Bình Ngô Đại Cáo

Sau khi đã đánh đuổi quân Minh, giành lại độc cho đất nước, Lê Lợi sai Nguyễn Trãi viết bản Bình Ngô đại cáo tổng kết chiến thắng oanh liệt của dân tộc. Xin trích dẫn một đoạn dưới đây do Ngô Tất Tố dịch.

...

Như nước Đại Việt ta từ trước,
Vốn xưng nền văn hiến đã lâu,
Nước non bờ cõi đã chia,
Phong tục Bắc Nam cũng khác;
Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần; bao đời xây nền độc lập;

Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên; mỗi bên hùng cứ một phương;
Tuy mạnh yếu có lúc khác nhau,
Song hào kiệt thời nào cũng có.

...

Ta đây:
Núi Lam Sơn dấy nghĩa
Chốn hoang dã nương mình
Ngầm thù lớn há đội trời chung
Cầm giặc nước thề không cùng sống
Đau lòng nhức óc, chốc đà mười mấy năm trời
Ném mật nằm gai, há phải một hai sớm tối.
Quên ăn vì giận, sách lược thao suy xét đã tinh,
Ngầm trước đến nay, lẽ hưng phế đắn đo càng kĩ.

...

Trọn hay:
Đem đại nghĩa để thắng hung tàn,
Lấy chí nhân để thay cường bạo.

Trận Bồ Đằng sấm vang chớp giật,
Miền Trà Lân trúc chẻ tro bay(*). ...
Xả tắc từ đây vững bền
Giang sơn từ đây đổi mới
Càn khôn bĩ rồi lại thái
Nhật nguyệt hối rồi lại minh

自趙丁李陳之肇造我國，
與漢唐宋元而各帝一方。
雖強弱時有不同
而豪傑世未常乏。
Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời xây
nền độc lập
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên
mỗi bên hùng cứ một phương;
Tuy mạnh yếu có lúc khác nhau,
Song hào kiệt thời nào cũng có.

Ngàn năm vết nhục nhã sạch lâu
Muôn thuở nền thái bình vững chắc
Âu cũng nhờ trời đất tổ tông
Linh thiêng đã lặng thầm phù trợ.

Giải nghĩa :

- văn hiến : văn hóa, tập tục
- phong tục Bắc Nam : Bắc ở đây chỉ Trung Hoa, Nam chỉ Việt Nam
- Triệu : nhà Triệu (207-111 trước Công Nguyên), cùng thời với nhà Hán bên Trung Hoa
- Đinh : nhà Đinh (968-980), cùng thời với nhà Đường
- Lý : nhà Lý (1010-1225), cùng thời với nhà Tống
- Trần : nhà Trần (1225-1413), cùng thời với nhà Nguyên
- hùng cứ : cầm quyền, quản lí
- độc lập : có quyền tự quyết định, không phụ thuộc vào nước khác
- hào kiệt : người tài giỏi
- núi Lam Sơn : là quê của Lê Lợi
- dấy nghĩa : khởi nghĩa
- hoang dã : nơi rừng núi, hoang vu
- há đội trời chung : không muốn cùng sống dưới một vòm trời
- nếm mật nằm gai : ý nói nếm mật đắng, nằm trên gai nhọn để luôn nhớ rằng có một mối thù phải trả (như việt vương Câu Tiễn thời Xuân Thu)
- sách lược thao : sách chỉ các đánh giặc
- đã tinh : đã thuộc, đã hiểu rành rẽ
- lẽ hưng phế : những lý do làm cho thành công hay thất bại
- đắn đo : suy nghĩ kĩ
- đại nghĩa : nghĩa lớn, việc tốt, đúng với đạo lí
- hung tàn : điều hung dữ, tàn bạo
- chí nhân : thương người
- cường bạo : lấy mạnh hiếp yếu
- xã tắc : nước nhà
- giang sơn : đất nước (giang là sông, sơn là núi)
- càn khôn bĩ ... thái : trời u tối rồi lại sáng
- nhật nguyệt : mặt trời, mặt trăng
- thái bình : hoà bình, yên ổn

(*) những địa danh này nhắc lại những chiến thắng của Lê Lợi trong cuộc chiến đấu chống quân Minh.

Bài tham khảo lịch sử Việt Nam

Nguyễn Trãi : Bình Ngô Đại Cáo

Bản dịch của Ngô Tất Tố

Thay trời hành hóa, hoàng thượng chiếu rằng,

Tùng nghe:

Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,
Quân điều phạt trước lo trừ bạo;
Như nước Đại Việt ta từ trước,
Vốn xưng nền văn hiến đã lâu,
Nước non bờ cõi đã chia,
Phong tục Bắc Nam cũng khác;
Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần; bao đời xây nền độc lập;
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên; mỗi bên hùng cứ một phương; Tuy mạnh yếu có lúc khác nhau,
Song hào kiệt thời nào cũng có.

Cho nên:

Lưu Cung tham công nên thất bại;
Triệu Tiết chí lớn phải vong thân;
Cửa Hàm Tử bắt sống Toa Đô
Sông Bạch Đằng giết tươi Ô Mã
Việc xưa xem xét.
Chứng cứ còn ghi.

Vừa rồi:

Nhân họ Hồ chính sự phiền hà
Để trong nước lòng dân oán hận
Quân cuồng Minh thừa cơ gây loạn
Bọn gian tà còn bán nước cầu vinh
Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn
Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ
Dối trời lừa dân đủ muôn ngàn kế
Gây thù kết oán trải mấy mươi năm
Bại nhân nghĩa nát cả đất trời
Nặng thuế khóa sạch không đầm núi.
Người bị ép xuống biển dòng lưng mò ngọc,
Ngán thay cá mập thuồng luồng.
Kẻ bị đem vào núi đãi cát tìm vàng,
Khốn nỗi rừng sâu nước độc.
Vết sản vật, bắt dò chim sẻ, chốn chốn lưới chăng.
Nhiều nhân dân, bắt bẫy hươu đen, nơi nơi cạm đặt.
Tàn hại cả giống côn trùng cây cỏ,
Nheo nhóc thay kẻ góa bụa khốn cùng.
Thằng há miệng, đứa nhe răng,
Máu mỡ bấy no nê chưa chán,
Nay xây nhà, mai đắp đất,
Chân tay nào phục dịch cho vừa ?
Nặng nề những nỗi phu phen

1. Triệu, Đinh, Lý, Trần :
Theo quan điểm ngày trước,
nhà Triệu (207-111 trước Công
Lịch) là triều đại chính thống
của Việt Nam.in là : "Đinh, Lê,
Lý, Trần". Có sách , bỏ nhà
Triệu đi, không rõ là do dịch giả
hay biên tập viên, nhưng như
vậy không tôn trọng nguyên tác.

2. Hai câu này Nguyễn Trãi
nhằm, thực ra Toa Đô bị chém
chết, còn Ô Mã Nhi bị bắt sống.
Cũng có sách in là :

Cửa Hàm Tử giết tươi Toa Đô,
Sông Bạch Đằng bắt sống Ô Mã

Tan tác cả nghề canh cửi.
Độc ác thay, trúc Nam Sơn không ghi hết tội,
Dơ bẩn thay, nước Đông Hải không rửa sạch mùi!
Lòng người đều căm giận, Trời đất chẳng dung tha;

Ta đây:

Núi Lam Sơn dấy nghĩa
Chốn hoang dã nương mình
Ngầm thù lớn há đội trời chung
Căm giặc nước thề không cùng sống
Đau lòng nhức óc, chốc đà mười mấy năm trời
Nếm mật nằm gai, há phải một hai sớm tối.
Quên ăn vì giận, sách lược thao suy xét đã tinh,
Ngầm trước đến nay, lẽ hưng phế đắn đo càng kỹ
Những trần trọc trong cơn mệ ng mị,
Chỉ bữa khoản một nỗi đồ hồi
Vừa khi cờ nghĩa dấy lên,
Chính lúc quân thù đang mạnh.

Lại ngặt vì:

Tuần kiệt như sao buổi sớm,
Nhân tài như lá mùa thu,
Việc bôn tẩu thiếu kẻ đở đần,
Nơi duy ác hiểm người bàn bạc,
Tấm lòng cứu nước,
Vẫn dăm dăm muốn tiến về Đông,
Cỗ xe cầu hiền,
Thường chăm chăm còn dành phía tả.

Thế mà:

Trông người, người càng vắng bóng,
Mịt mù như nhìn chốn bể khơi.
Tự ta, ta phải dốc lòng,
Vội vã hơn cứu người chết đói.
Phần vì giận quân thù ngang dọc,
Phần vì lo vận nước khó khăn,
Khi Linh Sơn lương hết mấy tuần,
Lúc Khôi Huyện quân không một đội.
Trời thử lòng trao cho mệnh lớn
Ta gắng trí khắc phục gian nan.
Nhân dân bốn cõi một nhà,
Dựng cần trúc ngọn cờ phấp phới
Tướng sĩ một lòng phụ tử,
Hòa nước sông chén rượu ngọt ngào.
Thế trận xuất kỳ, lấy yếu chống mạnh,
Dùng quân mai phục, lấy ít địch nhiều.

Trợn hay:

Đem đại nghĩa để thắng hung tàn,
Lấy chí nhân để thay cường bạo
Trận Bồ Đằng sấm vang chớp giật,

Miền Trà Lân trúc chẻ tro bay.
Sĩ khí đã hăng quân thanh càng mạnh.
Trần Trí, Sơn Thọ nghe hơi mà mất vía,
Lý An, Phương Chính, nín thở cầu thoát thân.
Thừa thắng đuổi dài, Tây Kinh quân ta chiếm lại,
Tuyển binh tiến đánh, Đông Đô đất cũ thu về.
Ninh Kiều máu chảy thành sông, tanh hôi vạn dặm
Tuy Động thân chết đầy nội, như để ngàn năm.
Phúc tâm quân giặc: Trần Hiệp đã phải bêu đầu
Một gian kẻ thù: Lý Lượng cũng đành bỏ mạng.
Vương Thông gỡ thế nguy,
Mà đám lửa cháy lại càng cháy
Mã Anh cứu trận đánh
Mà quân ta hăng lại càng hăng.
Bỏ tay để đợi bại vong,
Giặc đã trí cùng lực kiệt,
Chẳng đánh mà người chịu khuất,
Ta đây mưu phạt tâm công.
Tuởng chúng biết lẽ ăn năn
Nên đã thay lòng đổi dạ
Ngờ đâu vẫn đương mưu tính
Lại còn chuốc tội gây oan.
Giữ ý kiến một người,
Gieo vạ cho bao nhiêu kẻ khác,
Tham công danh một lúc,
Để cười cho tất cả thế gian.

Bởi thế:

Thằng nhãi con Tuyên Đức động binh không ngừng
Đồ nhút nhát Thạnh, Thăng đem dầu chữa cháy
Đinh mùi tháng chín,
Liễu Thăng đem binh từ Khâu Ôn kéo lại
Năm ấy tháng mười,
Mộc Thạnh chia đường từ Vân Nam tiến sang.
Ta trước đã điều binh thủ hiểm,
Chặt mũi tiên phong
Sau lại sai tướng chặn đường
Tuyệt nguồn lương thực

Ngày mười tháng tám, trận Chi Lăng, Liễu Thăng thất thế
Ngày hai mươi, trận Mã Yên, Liễu Thăng cụt đầu

Ngày hăm lăm, bá tước Lương Minh đại bại tử vong
Ngày hăm tám, thượng thư Lý Khánh cùng kể tự vẫn.
Thuận đà ta đưa lưỡi dao tung phá
Bí nước giặc quay mũi giáo đánh nhau
Lại thêm quân bốn mặt vây thành
Hẹn đến giữa tháng mười diệt giặc
Sĩ tốt kén người hùng hổ
Bề tôi chọn kẻ vuốt nanh
Gươm mài đá, đá núi cũng mòn

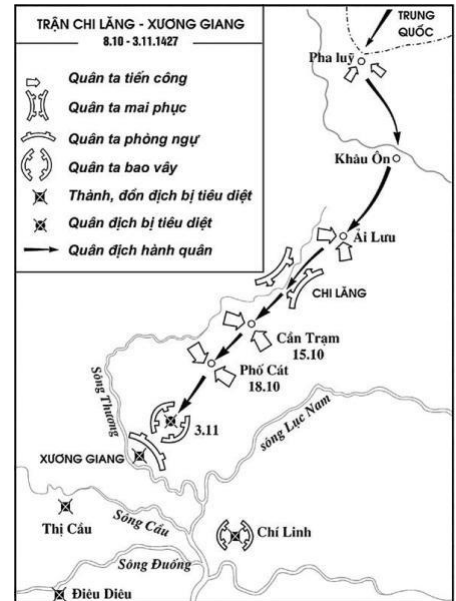
Voi uống nước, nước sông phải cạn.
Đánh một trận, sạch không kình ngạc

Đánh hai trận tan tác chim muông.
 Con gió to trút sạch lá khô,
 Tổ kiến hồng sứt toang đê vỡ.
 Đô đốc Thôi Tự lê gối dâng tờ tạ tội,
 Thượng thư Hoàng Phúc trối tay để tự xin hàng.
 Lạng Giang, Lạng Sơn, thây chất đầy đường
 Xương Giang, Bình Than, máu trôi đỏ nước
 Ghê gớm thay! Sắc phong vân phải đổi,
 Thảm đạm thay! Ánh nhật nguyệt phải mờ.
 Bị ta chặn ở Lê Hoa,
 Quân Vân Nam nghi ngờ, khiếp vía mà vỡ mật
 Nghe Thăng thua ở Cần Trạm,
 Quân Mộc Thạnh xéo lên nhau, chạy để thoát thân.
 Suối Lãnh Câu, máu chảy thành sông,
 Nước sông ghen ngào tiếng khóc
 Thành Đan Xá, thây chất thành núi,
 Cỏ nội đầm đìa máu đen.
 Cứu binh hai đạo tan tành, quay gót chẳng kịp,
 Quân giặc các thành khốn đốn, cởi giáp ra hàng
 Tướng giặc bị cầm tù,
 Như hổ đói vẫy đuôi xin cứu mạng
 Thần vũ chẳng giết hại,
 Thể lòng trời ta mở đường hiếu sinh
 Mã Kỳ, Phương Chính, cấp cho năm trăm chiếc thuyền,
 Ra đến biển mà vẫn hồn bay phách lạc,
 Vương Thông, Mã Anh, phát cho vài nghìn cỗ ngựa,
 Về đến nước mà vẫn tim đập chân run.
 Họ đã tham sống sợ chết mà hòa hiếu thực lòng
 Ta lấy toàn quân là hơn, để nhân dân nghỉ sức.
 Chẳng những mưu kế kì diệu
 Cũng là chưa thấy xưa nay
 Xã tắc từ đây vững bền
 Giang sơn từ đây đổi mới
 Càn khôn bĩ rồi lại thái
 Nhật nguyệt hối rồi lại minh
 Ngàn năm vết nhục nhã sạch lâu
 Muôn thuở nền thái bình vững chắc
 Âu cũng nhờ trời đất tổ tông
 Linh thiêng đã lặng thầm phù trợ;

Than ôi!

Một cổ nhưng y chiến thắng,
 Nên công oanh liệt ngàn năm
 Bốn phương biển cả thanh bình,
 Ban chiếu duy tân khắp chốn.

Xa gần bá cáo,
 Ai nấy đều hay.

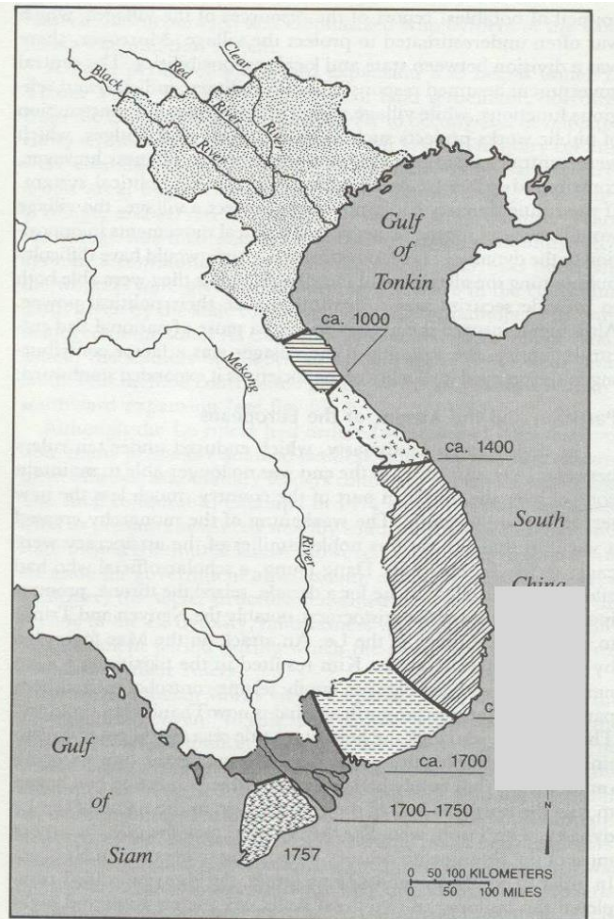


Võ bị thời vua Lê Thánh Tông (1460 – 1497)

Từ xưa, nước Chiêm Thành ở phương Nam cũng như Lão Qua (vùng Luang Prabang) và Bồn Man (vùng Trấn Ninh) ở phương Tây thường hòa theo người Trung Hoa để **quấy nhiễu** bờ cõi nước ta, mỗi khi nước ta phải đánh nhau với Trung Hoa. Thấy vậy, vua Lê Thánh Tông lo mở mang việc võ bị và tuyển được 30 vạn quân (300.000 người) trong nước để mở cuộc **Nam chinh**.

Vào tháng 2 năm 1470, quân ta chia làm 3 đạo quân: một bọc phía núi, một đi bằng đường biển chặn đường rút lui, còn đạo quân thứ ba từ biển đánh thẳng vào kinh thành của Chiêm Thành. Trong vòng một tháng, quân Chiêm bị thua to. Sau khi đánh tan quân Chiêm Thành, quân sĩ được nghỉ khoảng 1 năm, ta lại chuẩn bị **Tây chinh**. Đánh tan quân Bồn Man, sau đó tiến đánh Lão Qua cho tới biên giới Thái Lan.

Từ đó trở về sau, các nước Chiêm Thành, Bồn Man, Lão Qua không còn đủ **thực lực** mà hòa theo nước Trung Hoa quấy nhiễu nước ta nữa. Trên bản đồ hiện nay, nước Chiêm Thành không còn nữa. Nước Bồn Man và Lão Qua được gọi là nước Lào.



Source: Based on information from Joseph Buttinger, *Vietnam: A Political History*, New York, 1968, 50.

Figure 5. Vietnam's Southern Expansion, A.D. 1000-1757

Giải nghĩa:

- **Quấy nhiễu**: phá phách, không để cho yên ổn.
- **Nam chinh**: đánh chiếm và chinh phục về hướng Nam.
- **Tây chinh**: đánh chiếm và chinh phục về hướng Tây.
- **Thực lực**: sức mạnh thực sự

Văn học thời vua Lê Thánh Tông (1460 – 1497)

Nhờ thời gian dài sống trong hòa bình, văn học Việt đã phát triển mạnh và tiến bộ.

Vua Lê Thánh Tông (1460-1497) sai ông Ngô Sĩ Liên viết bộ Đại Việt Sử Ký gồm hai bộ. Bộ đầu có 5 quyển từ thời Hồng Bàng đến Thập Nhị Sứ Quân. Bộ sau có 10 quyển từ thời Đinh Tiên Hoàng tới Lê Thái Tổ.

Vua sai các quan ở các vùng vẽ lại địa đồ núi, sông và chép sự tích của mỗi địa phương và gửi về **bộ Hộ** để làm quyển địa dư cho nước ta.

Nhà vua định lại phép **thi Hương, thi Hội** để tuyển chọn nhân tài. Ngài thường làm chủ khảo các kì **thi Đình** để chọn tiến sĩ và mở rộng nhà Thái học. Phía trước là nhà

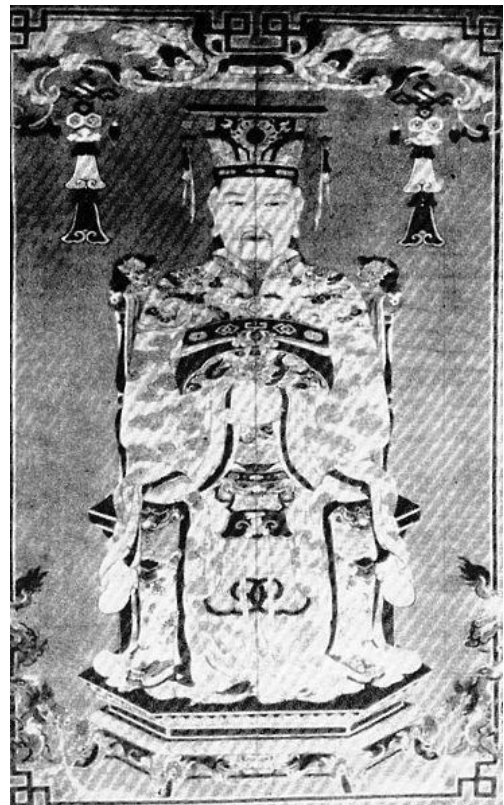
Văn Miếu, phía sau là nhà Thái Học, ngài còn cho làm thêm các phòng ốc cho sinh viên ở, kho Bí Thư để chứa sách. Sự học càng ngày càng mở mang thêm.

Năm 1462, cả 12 **trường thi** có tới 60.000 người dự thi. Vào năm 1484, nhà vua cho dựng 11 tấm bia tiến sĩ tại Văn Miếu thành Thăng Long. Trong số người trẻ tuổi thi đậu, có Tiến Sĩ Nguyễn Nhân Thiệp (15 tuổi), Trạng Nguyên Vũ Kiệt (20 tuổi).

Nhà vua thường ngâm thơ, cùng với triều thần lập ra Quỳnh Uyển Cử Ca có cả thầy là 28 người cùng nhau ngâm thơ. Ngài còn sai ông Thân Nhân Trung và Đỗ Nhuận làm bộ Thiên Nam Dư Hạ Tập gồm 100 quyển, về hình luật đời Hồng Đức. Ngài cũng làm ra quyển Thân Chính Kí Sự, kể lại việc ngài đi đánh Chiêm Thành, Lão Qua và Mường.

Giải nghĩa:

- *Bộ Hộ*: Một cơ quan chuyên lo việc trong nước.
- *Thi Hương*: Người đậu gọi là Cử Nhân, đậu vớt gọi là Tú Tài.
- *Thi Hội*: Kỳ thi sau khi đậu kỳ thi Hương. Người đậu gọi là Tiến Sĩ (hay ông Nghè).
- *Thi Đình*: Kỳ thi sau khi đậu thi Hội, chỉ lấy có ba người. Đậu đầu gọi là Trạng Nguyên, đậu kế gọi là Bảng Nhãn và sau chót là Thám Hoa.
- *Trường thi*: Trung tâm khảo thí.



Tranh thờ vua Lê Thánh Tông
Thái miếu Lam Kinh.

10 Điều Tâm Niệm Thiếu Nhi

- 1 Thiếu Nhi mỗi sáng dâng ngày,
điểm tô đời sống hương bay nguyện cầu.
- 2 Thiếu Nhi Thánh Thể nhiệm mầu,
tôn sùng rước lễ, nhà châu viếng thăm.
- 3 Thiếu Nhi Thánh Giá Chúa nằm,
nhìn lên phần khởi chuyên cần hy sinh.
- 4 Thiếu Nhi nhờ Mẹ đỉnh ninh,
quyết làm gương sáng xứng danh tông đồ.
- 5 Thiếu Nhi mọi việc nhỏ to,
tinh thần vâng phục chuyên lo đậm đà.
- 6 Thiếu Nhi đảm đảm nét na,
nói năng hành động nôm nà trắng trong.
- 7 Thiếu Nhi bác ái một lòng,
tim luôn quảng đại mới mong giúp người.
- 8 Thiếu Nhi ngay thẳng trọn đời,
nói làm đúng mực người người tin yêu.
- 9 Thiếu Nhi dù khó trăm chiều,
chu toàn bốn phận mọi điều chăm chuyên.
- 10 Thiếu Nhi thực hiện hoa thiêng,
chép ghi mỗi tối cộng biên mỗi tuần.



Phong Trào Thiếu Nhi Thánh Thể Việt Nam tại Pháp
Đoàn Kitô Vua – Paris
